

Số: 1530/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 28 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án “Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Sơn La đến năm 2025”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ DNNVV;

Căn cứ Thông tư 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10/5/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 364/TTr-SKHĐT ngày 28 tháng 7 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Sơn La đến năm 2025” (có Đề án chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định 1834/QĐ-UBND ngày 26/7/2019 của UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, các Hội, Hiệp hội Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *th*

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các tổ chức C.trị-XH;
- Như điều 3;
- VP UBND tỉnh (LĐ, CV, TT thông tin);
- Lưu: VT, TH (V.Hải).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



HQK
Hoàng Quốc Khánh



ĐỀ ÁN

HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA ĐẾN NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1530/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Sơn La)

Phần thứ nhất

SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Trong thời gian qua, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Sơn La đặc biệt quan tâm chỉ đạo các Sở, ban, ngành trong tỉnh; UBND các huyện, thành phố trong việc phát triển doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh cho doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV). Nhiều hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp đã và đang được triển khai đồng bộ, hiệu quả như công tác cải cách hành chính; tiếp cận tín dụng; công tác kế toán; hỗ trợ mặt bằng sản xuất; hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường; hỗ trợ công nghệ, hỗ trợ cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung; hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực; hỗ trợ DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh; đối thoại thường xuyên với doanh nghiệp để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc tạo điều kiện và môi trường tốt nhất cho doanh nghiệp phát triển, góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh, phát triển kinh tế - xã hội.

Trong những năm gần đây, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Sơn La đã có bước phát triển cả về số lượng và chất lượng, đóng góp quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tính đến 31/12/2021, trên địa bàn tỉnh Sơn La có 3.080 doanh nghiệp đăng ký hoạt động, với tổng số vốn điều lệ đạt khoảng 37 nghìn tỷ đồng; qua 3 năm triển khai thực hiện Đề án (từ năm 2019-2021) có 895 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, trong đó chủ yếu là DNNVV (chiếm 98%); vốn đăng ký bình quân của DNNVV giai đoạn 2019-2021 khoảng 2-4 tỷ đồng/doanh nghiệp. Đã tạo việc làm cho hơn 110.000 lao động, mỗi năm tạo thêm khoảng hơn 8.000 việc làm mới. Thu nhập bình quân của người lao động trong các DNNVV ở Sơn La giai đoạn 2019- 2021 đạt từ 4-7 triệu đồng/tháng. Tổng đóng góp cho ngân sách Nhà nước khu vực doanh nghiệp trong 03 năm 2019 - 2021 đạt 2.270 tỷ đồng. Khu vực DNNVV đã và đang ngày càng khẳng định vai trò nòng cốt, tiên phong trong công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế của địa phương.

Năm 2019, nhằm cụ thể hóa các chính sách, giải pháp hỗ trợ được quy định tại Luật Hỗ trợ DNNVV, UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh thông qua một số nội dung chủ yếu của Đề án "Hỗ trợ DNNVV trên địa bàn tỉnh Sơn La, giai đoạn 2019-2025" tại Nghị quyết số 128/NQ-HĐND ngày 17/7/2019, làm cơ sở để UBND tỉnh ban hành Đề án tại Quyết định số 1834/QĐ-UBND ngày 26/7/2019, trong đó triển khai nhiều chính sách hỗ trợ DNNVV và hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp như: *Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận tín dụng và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cho doanh nghiệp; Hỗ trợ về phí, lệ phí và công tác kế toán cho DNNVV khởi sự; Hỗ trợ mặt bằng sản xuất cho các*

DNNVV; Hỗ trợ cung cấp thông tin, xúc tiến, mở rộng thị trường; Hỗ trợ nghiên cứu, chuyển giao và đổi mới công nghệ; Hỗ trợ thông tin, tư vấn pháp lý về thủ tục thành lập doanh nghiệp; Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực cho các DNNVV và DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh... Các chính sách hỗ trợ DNNVV quy định tại Luật Hỗ trợ DNNVV đã tác động tích cực tới sự phát triển doanh nghiệp trên địa bàn, được cộng đồng doanh nghiệp ghi nhận.

Bên cạnh những kết quả đạt được, còn một số tồn tại, hạn chế như: một số chương trình, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp chưa thực sự hiệu quả; việc cải cách thủ tục hành chính trong những năm qua đã được quan tâm đẩy mạnh thực hiện song vẫn có lúc, có nơi, có thủ tục còn giải quyết chậm, muộn; việc tiếp cận các nguồn lực hỗ trợ cho sản xuất kinh doanh như tín dụng, đất đai, thị trường đầu ra, doanh nghiệp khởi nghiệp... vẫn còn gặp nhiều khó khăn, mất nhiều thời gian và chi phí; giai đoạn 2019-2021 cũng là giai đoạn có nhiều khó khăn, đặc biệt chịu tác động và ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh Covid-19 nên số doanh nghiệp làm ăn thua lỗ, giải thể vẫn còn nhiều⁽¹⁾; hầu hết các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh là có quy mô nhỏ, khả năng cạnh tranh thấp, năng lực quản trị, điều hành kinh doanh còn yếu, thiếu chiến lược kinh doanh, tinh thần khởi nghiệp của doanh nghiệp thấp, năng suất lao động và giá trị gia tăng cũng như hiệu quả sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp còn rất thấp, các doanh nghiệp chưa chú trọng việc tiếp cận thị trường, xây dựng thương hiệu, kỹ năng và tay nghề lao động trong các doanh nghiệp chưa cao, số lượng doanh nghiệp áp dụng khoa học kỹ thuật hiện đại vào sản xuất kinh doanh còn hạn chế..

Ngày 26/8/2021, Chính phủ đã ban hành Nghị định 80/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Hỗ trợ DNNVV (*thay thế Nghị định 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018*). Theo Nghị định này nhiều nội dung, định mức hỗ trợ DNNVV đã có sự điều chỉnh, bổ sung và thay đổi so với Nghị định 39/2018/NĐ-CP, nên cần thiết ban hành Đề án mới thay thế Đề án đã được ban hành tại Quyết định 1834/QĐ-UBND ngày 26/7/2019 (*được xây dựng trên cơ sở Nghị định 39/2018/NĐ-CP*). Để đảm bảo các chính sách hỗ trợ DNNVV được xuyên suốt và liên tục, cần cụ thể hóa vào điều kiện thực tế của địa phương để triển khai trong những năm tiếp theo. Với những lý do trên, việc xây dựng Đề án **“Hỗ trợ DNNVV trên địa bàn tỉnh Sơn La đến năm 2025” nhằm đạt mục tiêu phát triển doanh nghiệp, hỗ trợ DNNVV Sơn La tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị và khuyến khích, thúc đẩy hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp là hết sức cần thiết, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh Sơn La đến năm 2025 và những năm tiếp theo.**

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

⁽¹⁾ Số doanh nghiệp làm thủ tục đăng ký tạm ngừng kinh doanh, giải thể năm 2020 là 96 doanh nghiệp, năm 2021 là 126 doanh nghiệp; Số doanh nghiệp nộp thuế năm 2020 là 2.068 doanh nghiệp (chiếm 73% tổng số doanh nghiệp đăng lý hoạt động), năm 2021 là 2.643 doanh nghiệp (chiếm 86%).

- Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020; Luật Hỗ trợ DNNVV ngày 12/6/2017;
- Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về đầu tư cho DNNVV khởi nghiệp sáng tạo;
- Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ;
- Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho DNNVV;
- Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ DNNVV;
- Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Quốc gia đến năm 2025";
- Quyết định số 1362/QĐ-TTg ngày 11/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển bền vững doanh nghiệp khu vực tư nhân đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030;
- Quyết định 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Chuyển đổi số tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;
- Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 15/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Luật Hỗ trợ DNNVV;
- Thông tư 64/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý cho DNNVV;
- Thông tư 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10/5/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ DNNVV;
- Nghị quyết số 15-NQ/ĐH ngày 24/9/2020 của Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Sơn La lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020-2025;
- Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 31/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chuyển đổi số tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;
- Nghị quyết số 143/2020/NQ-HĐND ngày 30/10/2020 trong đó có quy định nội dung mức chi thực hiện Đề án "Hỗ trợ Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025" trên địa bàn tỉnh Sơn La...

Phần thứ hai

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ DNNVV TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SON LA GIAI ĐOẠN 2019 – 2021

I. KẾT QUẢ HỖ TRỢ DNNVV

Sau khi Quyết định 1834/QĐ-UBND ngày 26/7/2019 của UBND tỉnh có hiệu lực, các đơn vị được giao chủ trì đã xây dựng kế hoạch triển khai Đề án "Hỗ

trợ DNNVV trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2019-2025”, qua 3 năm triển khai từ 2019 - 2021, tỉnh Sơn La đã thực hiện các chính sách hỗ trợ, như: tiếp cận tín dụng; công tác kế toán; hỗ trợ mặt bằng sản xuất; hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường; hỗ trợ công nghệ, hỗ trợ cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung; hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực; hỗ trợ DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh; hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo; hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị... Kết quả thực hiện cụ thể như sau:

1. Hỗ trợ pháp lý cho DNNVV

Thực hiện Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 của Chính phủ, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 204/KH-UBND ngày 02/10/2019 về hỗ trợ pháp lý cho DNNVV. Sở Tư pháp đã gửi phiếu khảo sát trực tiếp cho 50 doanh nghiệp tại các huyện Mộc Châu, Mai Sơn, Thuận Châu, Phù Yên và Thành phố Sơn La đánh giá về chất lượng các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp và khảo sát nhu cầu hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp giai đoạn 2020- 2025 và tham mưu trình UBND tỉnh ban hành Chương trình hỗ trợ pháp lý cho DNNVV giai đoạn 2021- 2025 đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, đáp ứng yêu cầu, nguyện vọng của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Tổ chức 01 Hội nghị tập huấn nghiệp vụ về bồi dưỡng kiến thức pháp luật năm 2020 cho các đối tượng là công chức tư pháp và cán bộ pháp chế với nội dung chú trọng nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ để đảm bảo nguồn lực cho công tác hỗ trợ pháp lý cho DNNVV.

Thường xuyên rà soát, kiểm soát thủ tục hành chính, bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền bãi bỏ các thủ tục, điều kiện bất hợp lý, không còn cần thiết, giảm thời gian, chi phí khởi nghiệp cho doanh nghiệp; tích cực hỗ trợ, đồng hành cùng nhà đầu tư trong thực hiện các dự án đầu tư. Rà soát theo dõi tiến độ thực hiện các dự án sau cấp chủ trương đầu tư, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, kịp thời hỗ trợ giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong hoàn thiện các thủ tục theo quy định cho các nhà đầu tư; đã tư vấn cho 66 doanh nghiệp, HTX đến tìm hiểu cơ hội đầu tư, tìm hiểu chính sách hỗ trợ đầu tư; Hỗ trợ, giúp đỡ cho doanh nghiệp, hợp tác xã hoàn thiện thủ tục đầu tư, đất đai, xây dựng đối với 32 dự án; Lập kế hoạch chi tiết triển khai thực hiện đối với 06 dự án thu hút đầu tư tại các huyện Mộc Châu, Phù Yên, Yên Châu, Thuận Châu, Sông Mã, Bắc Yên. Từ năm 2020 đến nay, đã công khai số điện thoại đường dây nóng tại Sở Kế hoạch và Đầu tư để thường xuyên tư vấn, hướng dẫn và hỗ trợ tổ chức, cá nhân, đơn vị hoàn thành các thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp qua mạng, hướng dẫn người dùng trực tiếp sử dụng phần mềm đăng ký kinh doanh qua Hệ thống đăng ký kinh doanh Quốc gia, nhằm giảm thời gian, chi phí đi lại, giảm thiểu việc chỉnh sửa, trả lại hồ sơ, chi phí khởi sự của doanh nghiệp; ký hợp đồng với Bưu điện để trả kết quả đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính công ích cho doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, chi phí.

Doanh nghiệp được tiếp cận, sử dụng miễn phí thông tin văn bản pháp luật đăng tải trên trang Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, Công báo Sơn La

và Trang thông tin điện tử của các Sở, ngành, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, UBND các huyện, thành phố; cá nhân, tổ chức có nhu cầu thành lập doanh nghiệp được tư vấn miễn phí về thủ tục pháp lý, hướng dẫn hồ sơ, quy trình các bước nộp hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp; được tham gia các khóa bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp, được tham gia đối thoại, giải quyết các khó khăn, vướng mắc pháp lý cho doanh nghiệp.

2. Hỗ trợ công tác kế toán, thuế cho DNNVV

Cục Thuế đã tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật thuế; hỗ trợ người nộp thuế thực hiện tốt nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, cụ thể:

- Về công tác tuyên truyền, hỗ trợ: Đã đăng tải, viết gần 1000 tin, bài, phóng sự đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng như: Báo Sơn La, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, trang thông tin điện tử Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh và trang thông tin điện tử Cục Thuế để các doanh nghiệp nắm bắt và thực hiện. Hướng dẫn doanh nghiệp gửi tờ khai, tài liệu bổ sung kịp thời nghĩa vụ với NSNN. Định kỳ thực hiện giao lưu trực tuyến trên mạng internet để trả lời, giải đáp chính sách pháp luật thuế vướng mắc cho doanh nghiệp. Kết quả 3 năm đã tổ chức 19 hội nghị tập huấn và đối thoại với doanh nghiệp; in 14.000 tờ rơi tuyên truyền về chính sách thuế và thực hiện trả lời bằng văn bản để tháo gỡ vướng mắc cho 189 lượt doanh nghiệp.

- Công tác thuế và kế toán: Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giới thiệu để người nộp thuế biết và tham gia Chuyên mục “*Đồng hành cùng doanh nghiệp khởi nghiệp*” trên trang thông tin Tổng cục Thuế, qua đó giúp các doanh nghiệp, hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp, các doanh nghiệp khởi nghiệp... nắm được các thủ tục, quyền lợi và nghĩa vụ cần thiết trước và sau khi thành lập doanh nghiệp. Hướng dẫn các doanh nghiệp tìm hiểu việc mở, ghi chép sổ sách kế toán, hóa đơn chứng từ (*bao gồm mẫu biểu và hướng dẫn cách mở, ghi sổ kế toán, chữ ký và sửa chữa sổ kế toán và hệ thống báo cáo tài chính...*) trên cổng thông tin điện tử Cục Thuế tỉnh Sơn La. Cung cấp danh sách, địa chỉ, số điện thoại của các đơn vị cam kết hỗ trợ cung cấp phần mềm kế toán miễn phí, các đơn vị đại lý thuế trên địa bàn để các doanh nghiệp, người nộp thuế có nhu cầu cần hỗ trợ tiện liên lạc.

Thực hiện rà soát hồ sơ, thủ tục miễn giảm về thuế theo quy định; hướng dẫn doanh nghiệp hoàn thiện thủ tục để được hưởng các chính sách ưu đãi của nhà nước về thuế, cụ thể: đã giải quyết gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất theo Nghị định số 41/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ là: 115.629 triệu đồng; Gia hạn nộp thuế GTGT-TNDN, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất theo Nghị định số 52/NĐ-CP ngày 19/4/2021 của Chính phủ là: 131.556 triệu đồng; đề xuất miễn giảm tiền thuê đất theo dự án đầu tư là: 906.226 triệu đồng và ước miễn giảm thu nhập doanh nghiệp là: 250.873 triệu đồng.

Bên cạnh việc tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế thực hiện tốt chính sách thuế, Cục Thuế đã làm tốt công tác cải cách thủ tục hành chính thông qua việc hỗ trợ trên 2.100 doanh nghiệp chuyển đổi áp dụng hóa đơn điện tử và kê

khai nộp thuế theo phương thức điện tử để giảm thiểu thời gian thực hiện thời gian thực hiện nghĩa vụ với nhà nước.

3. Hỗ trợ tiếp cận tín dụng DNNVV

Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Sơn La đã chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức tín dụng trên địa bàn triển khai có hiệu quả các giải pháp mở rộng tín dụng đối với các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên, các dự án, phương án sản xuất kinh doanh có hiệu quả, đặc biệt cho vay mới để duy trì và khôi phục các ngành, lĩnh vực bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19; tăng cường kết nối Ngân hàng – Doanh nghiệp để tháo gỡ khó khăn trong việc tiếp cận vốn phục vụ nông nghiệp, nông thôn nói chung và vốn cho chế biến nông, lâm thủy sản theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và UBND tỉnh, xem xét thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn theo quy định cho khách hàng gặp khó khăn chưa thể trả nợ đúng hạn, giúp khách hàng tiếp cận nguồn vốn tín dụng thuận lợi, góp phần hạn chế tín dụng đen.

Trong 3 năm 2019-2021, NHNN đã giải quyết 83 thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực ngoại hối, cấp phép và hoạt động ngân hàng, thanh toán.

Đến 31/12/2021, tổng nguồn vốn huy động tại địa phương đạt 26.021 tỷ đồng, so với 31/12/2018 tăng 8.646 tỷ đồng, tốc độ tăng 49,76%; tổng dư nợ cho vay là 42.927 tỷ đồng, so với 31/12/2018 tăng 8.964 tỷ đồng, tốc độ tăng 26,39%; tổng nợ xấu 382 tỷ đồng, tăng 142 tỷ đồng so với 31/12/2018, tỷ lệ nợ xấu của toàn tỉnh 0,89%/Tổng dư nợ; Dư nợ cho vay doanh nghiệp là 17.286 tỷ đồng, so với 31/12/2018 tăng 4.975 tỷ đồng, tốc độ tăng 40,41%, trong đó, dư nợ cho vay đối với DNNVV là 10.781 tỷ đồng, chiếm 62,37% dư nợ cho vay doanh nghiệp, so với 31/12/2018 tăng 4.431 tỷ đồng, tốc độ tăng 69,78%. Số doanh nghiệp đang vay vốn còn dư nợ tại ngân hàng là 639 doanh nghiệp, trong đó có 597 DNNVV, so với 31/12/2018 tăng 123 doanh nghiệp và 135 DNNVV.

Năm 2019 đã ký kết hỗ trợ vốn vay tháo gỡ khó khăn cho 6 doanh nghiệp với tổng nguồn vốn 787 tỷ đồng; năm 2020, 2021 do ảnh hưởng của dịch Covid-19, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh đã chỉ đạo các TCTD trên địa bàn cho vay mới để hỗ trợ khách hàng khôi phục lại sản xuất kinh doanh là 34.995 tỷ đồng; số khách hàng còn dư nợ là 12.850 khách hàng; các TCTD đã thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ cho khách hàng bị ảnh hưởng do dịch Covid-19 với dư nợ bị ảnh hưởng bởi dịch là 7.874 tỷ đồng, chiếm 17,92% tổng dư nợ cho vay toàn ngành; thực hiện đợt hạ lãi suất cho vay cho khách hàng với số dư nợ được giảm lãi suất 20.905 tỷ đồng, số lãi được giảm là 79,3 tỷ đồng cho 46.169 khách hàng...

4. Hỗ trợ mặt bằng sản xuất cho DNNVV

Hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thành phố rà soát quỹ đất bao gồm đất đã thu hồi của các tổ chức, cá nhân; đất sản xuất nông nghiệp của các xã, bản, HTX đang quản lý, sử dụng; đất của các cơ quan, đơn vị (*giải thể, sáp nhập, chuyển địa điểm, sắp xếp lại trụ sở*

làm việc...), đất của các tổ chức kinh tế sử dụng hiệu quả thấp, các tổ chức có vi phạm pháp luật đất đai, đất hết thời hạn sử dụng đất nhưng không được Nhà nước gia hạn sử dụng, các tổ chức không còn nhu cầu sử dụng đất, các dự án khai thác quỹ đất để xây dựng kết cấu hạ tầng đường bộ... trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch khai thác quỹ đất tạo nguồn thu từ đất và quỹ đất chưa sử dụng tạo điều kiện thuận lợi cho DNNVV trong tiếp cận đất đai; hàng quý, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức Hội nghị đối thoại trực tiếp với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nhằm giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho tổ chức, cá nhân trong quá trình tìm kiếm cơ hội đầu tư, tiếp cận quỹ đất, giải phóng mặt bằng... và hướng dẫn tổ chức, cá nhân các thủ tục về hồ sơ thuê đất theo quy định. Các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố tiếp tục rà soát quỹ đất để hình thành, phát triển các cụm công nghiệp, các khu chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản tập trung cho doanh nghiệp thuê đất.

Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 02 khu công nghiệp với tổng diện tích 390 ha (*trong đó Khu công nghiệp Mai Sơn cơ bản hoàn thiện kết cấu hạ tầng giai đoạn I và đi vào hoạt động sản xuất; Khu công nghiệp Vân Hồ đã hoàn thành lập đồ án quy hoạch phân khu xây dựng*). Khu công nghiệp Mai Sơn có 09 dự án cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, 05 dự án đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh (*bao gồm: Dự án Nhà máy chế biến nông sản BHL Sơn La; Dự án Nhà máy sản xuất gạch không nung; Dự án Trạm chiết nạp gas Petrolimex Sơn La; Dự án Nhà máy nhũ tương nhựa đường BACHCHAMBARD; Dự án Nhà máy chế biến lâm sản Thanh Nhung*). Các doanh nghiệp đã đầu tư vào khu công nghiệp Mai Sơn đa phần là DNNVV, với đa dạng loại hình sản xuất (*chế biến tinh bột sắn, chế biến lâm sản, san chiết gas, sản xuất vật liệu xây dựng..*).

Thực hiện công khai minh bạch các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, các chính sách, danh mục dự án khuyến khích đầu tư của tỉnh, của Trung ương đến các doanh nghiệp, các nhà đầu tư tiện theo dõi trên các trang thông tin điện tử của tỉnh, các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố. Trưng bày công khai biển báo, pano, bản vẽ quy hoạch chi tiết 1/500 Khu công nghiệp Mai Sơn... trong Khu công nghiệp; xây dựng tờ rơi, sổ tay hướng dẫn quy trình thực hiện đầu tư trong khu công nghiệp nhằm quảng bá, công khai quy hoạch, cung cấp các thông tin về khu công nghiệp giúp cho các nhà đầu tư, tổ chức, doanh nghiệp, đặc biệt là các DNNVV có cái nhìn tổng quan về trình tự đầu tư, dễ dàng hơn trong việc tiếp cận các thủ tục thực hiện dự án đầu tư. Đăng tải các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách ưu đãi đầu tư vào khu công nghiệp, quy trình và TTHC trên các lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết trên Trang thông tin điện tử <http://bqlkcن.sonla.gov.vn> phục vụ người dân, doanh nghiệp nắm bắt và tìm hiểu đầu tư.

5. Hỗ trợ công nghệ; hỗ trợ cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung DNNVV

Sở Khoa học và Công nghệ đã đăng tải trên Cổng thông tin của Sở về hướng dẫn hồ sơ thủ tục nhận hỗ trợ đối với DNNVV khởi nghiệp sáng tạo như:

hỗ trợ tư vấn sở hữu trí tuệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ, hỗ trợ các thủ tục về tiêu chuẩn, quy trình kỹ thuật, đo lường chất lượng, thử nghiệm hoàn thiện sản phẩm; Sở Thông tin và Truyền thông đã thực hiện công tác thẩm định và chấp thuận xây dựng thí điểm Trạm thu phát sóng di động thân thiện môi trường kết hợp điểm thông tin đa năng trên địa bàn thành phố Sơn La; chấp thuận sự phù hợp với quy hoạch đối với 189 vị trí xây dựng và lắp đặt trạm thông tin di động, 79 tuyến cáp quang của các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh; đã triển khai hỗ trợ được 03 đơn vị cải tiến công nghệ sản xuất với tổng kinh phí hỗ trợ 845 triệu đồng. Nâng cấp hệ thống điều khiển thiết bị nghiền trong dây chuyền sản xuất than sinh học với tổng số tiền là 375 triệu đồng. Toàn tỉnh đã có 12 doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ, trong đó có 09 doanh nghiệp, HTX khoa học và công nghệ hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, bằng 75% tổng số doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh. Các HTX, doanh nghiệp khoa học và công nghệ sử dụng công nghệ cao (*nhà lưới, nhà kính, hệ thống tưới tiết kiệm, kho lạnh, áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp tốt...*) vào trong sản xuất, hoạt động có hiệu quả, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động địa phương, chuyên giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật cho tổ chức, cá nhân sản xuất hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp. Sản phẩm khoa học và công nghệ của các tổ chức gồm giống ngô lai; củ giống hoa lily, hoa lily thương phẩm; giống hoa hồng, hoa hồng thương phẩm; rượu mạn, rượu ngô, mứt mạn sấy không hạt; giống cà chua ghép trên gốc cà tím, cà chua và dưa chuột thương phẩm an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP; 24 sản phẩm nông sản mang địa danh của tỉnh được Cục Sở hữu trí tuệ (*Bộ Khoa học và Công nghệ*) cấp văn bằng bảo hộ⁽²⁾...

6. Hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường cho DNNVV

Giai đoạn 2019 - 2021, đã hỗ trợ 470 lượt doanh nghiệp, HTX tham dự các sự kiện xúc tiến thương mại, Hội chợ thương mại, du lịch, Hội nghị kết nối trên cả nước (*Tổ chức 16 sự kiện xúc tiến nông sản, Tuần hàng nông sản, thực phẩm an toàn Sơn La tại thủ đô Hà Nội và các tỉnh Hải Phòng, Quảng Ninh, Thanh Hóa; 13 Hội chợ thương mại, phiên chợ hàng Việt trên địa bàn tỉnh; Hỗ trợ, phối hợp với các Doanh nghiệp, HTX tham gia 36 Hội chợ, sự kiện xúc tiến thương mại và du lịch; Tổ chức 02 lớp tập huấn nghiệp vụ du lịch, 01 lớp tập huấn xúc tiến thương mại trên địa bàn các huyện; Hỗ trợ 01 HTX về địa điểm trưng bày, giới thiệu, quảng bá nông sản, du lịch Sơn La tại Nhà khách Thanh Xuân Hà Nội; Phối hợp với Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Sơn La tổ chức 02 sự kiện Cà phê doanh nhân, tạo cơ hội cho các đơn vị Doanh nghiệp, HTX gặp gỡ,*

⁽²⁾ Đến năm 2021 có 24 sản phẩm nông sản được Cục Sở hữu trí tuệ cấp văn bằng bảo hộ, cụ thể: 03 chỉ dẫn địa lý (*chè Shan tuyết Mộc Châu; quả xoài tròn của huyện Yên Châu; cà phê Sơn La*); 18 nhãn hiệu chứng nhận (*chè Ólong Mộc Châu, Sơn La; Rau an toàn Mộc Châu, Sơn La; Nhân Sông Mã, Sơn La; Cam Phù Yên, Sơn La; Táo Sơn Tra Sơn La; Bơ Mộc Châu, Sơn La; Na Mai Sơn, Sơn La; chè Phồng Lái Thuận Châu, Sơn La; nếp Mường Và Sốp Cộp, Sơn La, Bơ Sơn La, Nhân Sơn La, Xoài Sơn La, cá Sông Đà Sơn La, cá Tầm Sơn La, Rau an toàn Sơn La, Chanh leo Sơn La, Mận Sơn La*); 03 nhãn hiệu tập thể (*Mật ong Sơn La; Chè Tà Xùa Bắc Yên, Sơn La; khoai sọ Thuận Châu, Sơn La*); trong đó có 02 sản phẩm được bảo hộ tại nước ngoài (*chè Shan Tuyết và xoài tròn Yên Châu được bảo hộ tại Châu Âu theo hiệp định EVFTA có hiệu lực từ tháng 7/2020; sản phẩm chè Shan Tuyết được bảo hộ tại Thái Lan năm 2017*).

đổi thoại với các cơ quan quản lý nhà nước nhằm tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong đầu tư sản xuất, kinh doanh). Các sự kiện quảng bá đã tạo ra sức lan tỏa lớn về nông sản an toàn Sơn La đến các bạn hàng trong và ngoài nước

Phát hành in các tờ rơi, tờ gấp và 10.000 cuốn ấn phẩm (dịch ra tiếng Anh, tiếng Trung) cung cấp các thông tin về sản phẩm, về doanh nghiệp để cho các doanh nghiệp, HTX trong và ngoài nước nghiên cứu, tìm hiểu kết nối tiêu thụ và xuất khẩu các sản phẩm của tỉnh; tỉnh Sơn La đã xuất khẩu được 16 sản phẩm nông sản như: cà phê, nhãn, xoài, chanh leo, thanh long, chè, tinh bột sắn... sang thị trường 14 nước/vùng lãnh thổ như: Trung Quốc, Mỹ, Úc, Thụy Sĩ, Nga, Anh. Toàn tỉnh đã được cấp 220 mã số vùng trồng, diện tích 4.847,85 ha cây ăn quả phục vụ xuất khẩu và 33 cơ sở đóng gói phục vụ xuất khẩu. Trong đó, tổng số mã vùng trồng cây ăn quả xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc: 125 mã với 4.077,23 ha; mã số vùng trồng cây ăn quả được cấp để xuất khẩu sang thị trường Mỹ: 47 mã, diện tích 412,06 ha; mã số vùng trồng cây ăn quả được cấp để xuất khẩu sang thị trường Úc, New Zealand... là 48 mã, với diện tích 385,56 ha....

Hỗ trợ theo chương trình khuyến công địa phương cho 92 doanh nghiệp với số kinh phí trên 3,2 tỷ đồng (*Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến trong sản xuất miền đông; hỗ trợ xây dựng và đăng ký thương hiệu cho các sản phẩm công nghiệp nông thôn; hỗ trợ thuê tư vấn thiết kế mẫu mã, bao bì...*).

7. Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực cho các DNNVV

Tổ chức triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nhiều chương trình được đẩy mạnh thực hiện, như: chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, thu hút đầu tư các doanh nghiệp, các dự án đã tạo thêm nhiều việc làm mới, thu hút lao động tham gia. Kết quả từ năm 2019-2021 đã tạo việc làm, chuyển đổi việc làm, tăng thêm thu nhập cho khoảng 66.217 lao động, đạt 100% chỉ tiêu giao. Cơ cấu lao động hợp lý theo hướng giảm tỷ lệ lao động ngành nông, lâm, ngư nghiệp, tăng tỷ lệ lao động ngành công nghiệp - xây dựng và thương mại - du lịch trong tổng lao động xã hội. Năm 2021, tỷ lệ lao động nông, lâm, ngư nghiệp giảm còn 66,86%, giảm 2,84% so với năm 2019; tỷ lệ lao động ngành công nghiệp - xây dựng 16,42%, tăng 1,52% so với năm 2019; thương mại - du lịch khoảng 16,72%, tăng 1,32% so với năm 2019.

Chất lượng nguồn nhân lực từng bước được nâng lên. Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2021 đạt 57%, tăng 6% so với năm 2019; tỷ lệ lao động được cấp văn bằng chứng chỉ là 22%, tăng 4% so với năm 2019.

Chương trình việc làm năm 2019 đã chuyển đổi việc làm và tạo việc làm, việc làm tăng thêm thu nhập cho khoảng 23.070 lao động trên địa bàn tỉnh, đạt 100,3% chỉ tiêu giao; năm 2020 đã chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm, tăng thêm thu nhập cho khoảng 23.135 người, đạt 105% chỉ tiêu giao; năm 2021 đã chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm, tăng thêm thu nhập cho khoảng 20.012 người, đạt 100% chỉ tiêu giao.

Tổ chức các Hội nghị phổ biến pháp luật, trợ giúp pháp lý, tập huấn về khởi sự kinh doanh, quản trị doanh nghiệp với 14 lớp tập huấn, 03 Hội thảo, với

trên 500 lượt học viên, đại biểu tham dự; hỗ trợ 540 DNNVV do phụ nữ làm chủ triển khai các tiêu dự án, kết nối 11 doanh nghiệp tại Sơn La và Hà Nội; ngoài ra, còn triển khai các hoạt động hỗ trợ về lĩnh vực nông nghiệp, công thương, văn hóa thể thao và du lịch, xây dựng, lao động thương binh và xã hội, giao thông vận tải, an ninh trật tự - an toàn xã hội...

8. Hỗ trợ tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị DNNVV

Từ năm 2019 đến năm 2021, tỉnh đã hỗ trợ phát triển chuỗi cung ứng thực phẩm nông sản, thủy sản an toàn cho 74 lượt DNNVV (49 doanh nghiệp trồng trọt; 15 doanh nghiệp chăn nuôi; 10 doanh nghiệp thủy sản); hỗ trợ 2.100 triệu đồng cho 1 doanh nghiệp theo Quyết định số 577/QĐ-UBND ngày 11/3/2019 của UBND tỉnh Sơn La Ban hành phương án hỗ trợ cho doanh nghiệp sản xuất giống, chuyển giao kỹ thuật nuôi ngựa bạch; hỗ trợ 2.605 triệu đồng cho 11 DVNVV sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ (Mô hình ủ phân hữu cơ tổng hợp, mô hình trồng trọt (chè, bưởi, rau), mô hình chăn nuôi lợn); hỗ trợ 670 triệu đồng cho 11 doanh nghiệp thực hiện khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ một lần kinh phí, tối đa 50 triệu đồng/doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất, kinh doanh nông sản, thủy sản được Tổ chức chứng nhận đánh giá, cấp giấy chứng nhận VietGAP, GlobalGAP hoặc các tiêu chuẩn tương tự cho 5 doanh nghiệp; hỗ trợ 380 triệu đồng cho 4 doanh nghiệp để in nhãn mác, mua bao bì mới đóng gói sản phẩm đưa đi tiêu thụ; hỗ trợ một lần kinh phí, tối đa 20 triệu đồng để thuê đơn vị tư vấn xây dựng hệ thống nhận diện và truy xuất nguồn gốc sản phẩm (xây dựng phần mềm nhận diện và truy xuất nguồn gốc dùng chung toàn tỉnh, in ấn tem, nhãn điện tử thông minh Qrcode theo mẫu chung hoặc theo đặt hàng); hỗ trợ 169,18 triệu đồng cho 1 doanh nghiệp để ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến trong sản xuất chế biến quả; hỗ trợ 7 doanh nghiệp liên kết với 879 hộ nông dân để phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, gắn với tiêu thụ sản phẩm quả xoài theo hướng hữu cơ trên địa bàn các huyện Mường La, Thuận Châu, Quỳnh Nhai, Phù Yên, Bắc Yên, Mộc Châu, Vân Hồ, Mai Sơn, Yên Châu và thành phố Sơn La với diện tích 308,5 ha; sản phẩm quả cam trên địa bàn huyện Sông Mã, Sốp Cộp với diện tích 18 ha; sản phẩm quả Lê trên địa bàn huyện Mộc Châu, Quỳnh Nhai với diện tích 78 ha Lê VH6; hỗ trợ các DNNVV tham gia các lớp tập huấn kiến thức các quy định của pháp luật về trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản; sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y; sản xuất áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp tốt; công tác phòng chống dịch bệnh hại cây trồng, vật nuôi; công tác phòng chống thiên tai... Giai đoạn 2019 - 2021 đã tổ chức biểu dương 29 doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

9. Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo DNNVV

Sở Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo các đơn vị giáo dục trong tỉnh tổ chức truyền thông về khởi nghiệp thông qua các buổi sinh hoạt lớp, các buổi sinh hoạt tập thể; tích hợp nội dung về hướng nghiệp trong các môn học chính khóa, giáo dục hướng nghiệp và các hoạt động ngoài giờ lên lớp nhằm thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp và trang bị các kiến thức và kỹ năng về khởi nghiệp cho học sinh,

sinh viên. Các đơn vị trường học đã tích cực đưa nội dung nghiên cứu khoa học, dạy học theo hướng trải nghiệm sáng tạo, giáo dục STEM vào sinh hoạt của các tổ/nhóm chuyên môn để nâng cao năng lực hướng dẫn nghiên cứu khoa học cho giáo viên; tổ chức cuộc thi ý tưởng cho học sinh, lựa chọn những ý tưởng khả thi và phân công giáo viên có kinh nghiệm hướng dẫn học sinh, tập huấn phương pháp nghiên cứu cho học sinh có đề tài nghiên cứu, hỗ trợ học sinh trong quá trình thực hiện nghiên cứu; tổ chức tốt cuộc thi khoa học, kỹ thuật dành cho học sinh trung học cấp trường, cấp huyện trong nhiều lĩnh vực như khoa học xã hội, Hóa - Sinh, Tin học, Vật lý - Cơ khí. Giai đoạn từ năm 2019 - 2021, đã có tổng số 495 dự án khoa học, kỹ thuật đăng ký dự thi của hơn 905 học sinh đến từ các trường THCS, THPT, PTDT Nội trú THCS&THPT, các Trung tâm Giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Sơn La và đã lựa chọn một số dự án tiêu biểu tham dự cuộc thi khoa học - kỹ thuật cấp quốc gia.

Thực hiện Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Quốc gia đến năm 2025", HĐND tỉnh Sơn La đã ban hành Nghị quyết số 143/2020/NQ-HĐND ngày 30/10/2020 trong đó có quy định nội dung mức chi thực hiện Đề án "Hỗ trợ Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025" trên địa bàn tỉnh Sơn La. Các DNNVV mới thành lập theo hướng khởi nghiệp sáng tạo sẽ được hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao công nghệ; hỗ trợ sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật; hỗ trợ tham gia cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung; hướng dẫn thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm mới, dịch vụ và mô hình kinh doanh mới; hỗ trợ đào tạo, huấn luyện chuyên sâu về xây dựng, phát triển sản phẩm; thu hút đầu tư; tư vấn về sở hữu trí tuệ; thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; hỗ trợ thông tin, truyền thông, xúc tiến thương mại, kết nối mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo, thu hút đầu tư từ các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo; hỗ trợ thực hiện thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ...

Hiện nay tỉnh Sơn La đang xây dựng phương án thành lập Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Sơn La trên cơ sở sắp xếp, tổ chức lại bộ máy, tổ chức của Trung tâm Thông tin và Ứng dụng KHCN (*đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ*). Trong tháng 6/2022, Sở Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với Sở Nội vụ tổ chức Đoàn công tác đi học hỏi kinh nghiệm thành lập Trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại các tỉnh: Hải Phòng, Quảng Nam, Đà Nẵng. Tổ chức Ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Sơn La lần thứ nhất năm 2022 tại Trường Đại học Tây Bắc với sự tham gia của 300 đại biểu dự trực tiếp và gần 3.000 đại biểu dự trực tuyến đến từ Cơ quan Trung ương, các tỉnh, các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan.

10. Về tư vấn, hướng dẫn hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp

Đã tập trung hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân về hồ sơ, quy trình, thủ tục đăng ký doanh nghiệp; phối hợp với các tổ chức tín dụng trên địa bàn

tinh hỗ trợ doanh nghiệp lựa chọn và kê khai số tài khoản ngay tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Đơn giản hóa mẫu biểu, tờ khai về đăng ký doanh nghiệp; giảm thành phần giấy tờ trong hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; khuyến khích hộ kinh doanh nộp hồ sơ thành lập doanh nghiệp theo hình thức trực tuyến qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và nhận kết quả tại nhà qua dịch vụ bưu chính công ích; xây dựng cơ chế liên thông về đăng ký thành lập doanh nghiệp, khai báo nộp thuế, khai báo lao động và khai báo đối tượng người lao động thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội. Miễn lệ phí nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến; miễn phí công bố thông tin cho hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp...

Giai đoạn 2019-2021, có 895 doanh nghiệp thành lập mới, trong đó có 07 hộ kinh doanh chuyển đổi hình thức hoạt động sang doanh nghiệp, thực hiện miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế đối với doanh nghiệp thành lập mới từ hộ, cá nhân kinh doanh. Sau thời gian miễn thuế, trường hợp doanh nghiệp mới thành lập từ hộ, cá nhân kinh doanh thực hiện dự án đầu tư thuộc ngành nghề, địa bàn ưu đãi thuế thì tiếp tục được hưởng mức ưu đãi (thuế suất ưu đãi và miễn, giảm thuế) tương ứng theo quy định của pháp luật về thuế TNDN. Đối với DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí môn bài trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu; miễn, giảm tiền sử dụng đất có thời hạn theo quy định của pháp luật về đất đai.

II. MỘT SỐ KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Khó khăn, hạn chế

- Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chủ yếu là DNNVV, doanh nghiệp siêu nhỏ (*chiếm 98%*), khả năng cạnh tranh còn yếu kém.

- Việc tuyên truyền các chính sách hỗ trợ tới các DNNVV hiệu quả chưa cao, một số lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp chưa kịp thời nắm bắt các chính sách hỗ trợ đề nộp hồ sơ đề xuất.

- Trên địa bàn tỉnh chưa có nhiều dịch vụ cung cấp để hỗ trợ doanh nghiệp (*như: đào tạo nâng cao năng lực cho doanh nghiệp, tư vấn...*); môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh trong những năm vừa qua mặc dù đã có những thay đổi tích cực song vẫn còn nhiều dư địa để cải thiện; công tác phối hợp giữa các đơn vị, địa phương trong giải quyết thủ tục hành chính ở một số lĩnh vực còn chưa đồng bộ, chặt chẽ.

- Việc hỗ trợ thực hiện chính sách, pháp luật, thủ tục hành chính, giải quyết kiến nghị, đề xuất cho doanh nghiệp ở một số lĩnh vực còn kéo dài, liên quan đến quy định của nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, nhất là lĩnh vực đất đai, giải phóng mặt bằng còn chậm. Việc giải phóng mặt bằng và xây dựng kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp còn chậm và chưa đồng bộ.

- Việc tiếp cận các nguồn vốn tín dụng, hỗ trợ chênh lệch lãi suất đối với một bộ phận doanh nghiệp còn gặp khó khăn, chưa đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất, kinh doanh.

- Việc triển khai đào tạo, tập huấn chưa tổ chức được thường xuyên, chưa thu hút được đông đảo các doanh nghiệp tham gia. Chính sách đào tạo nguồn nhân lực còn chưa thực tế; chưa liên kết được giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp; nguồn nhân lực đặc biệt là lao động có kỹ năng, chất lượng cao chưa đáp ứng được yêu cầu cả về số lượng và chất lượng để phục vụ phát triển sản xuất, kinh doanh; chính sách thu hút nguồn nhân lực chậm đổi mới, chưa đủ mạnh, chưa thực sự phát huy hiệu quả.

- Chất lượng các loại hình dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp còn yếu và thiếu, thiếu nguồn cung có chất lượng. Năng lực quản trị của các doanh nghiệp còn hạn chế. Việc ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến hiện đại vào quá trình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp còn hạn chế; quy mô sản xuất nhỏ lẻ; việc liên doanh, liên kết chưa chặt chẽ, thiếu tính ổn định, nhất là trong tiêu thụ sản phẩm; việc xây dựng các chuỗi liên kết còn hạn chế.

- Số hộ kinh doanh cá thể chuyển đổi lên doanh nghiệp thời gian qua vẫn còn thấp dù Nhà nước tạo điều kiện, song phần đông hộ kinh doanh vẫn không mặn mà với việc chuyển đổi lên doanh nghiệp.

2. Nguyên nhân của những hạn chế

2.1. Nguyên nhân khách quan

Trong giai đoạn từ 2019-2021, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, đã ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, hộ kinh doanh; việc phải hạn chế tập trung đông người dẫn đến nhiều hoạt động hỗ trợ như: hỗ trợ xúc tiến thương mại, kết nối thị trường, đào tạo, tập huấn,.. bị hạn chế làm ảnh hưởng đến kết quả thực hiện trong giai đoạn.

Các doanh nghiệp khi khởi nghiệp hoặc triển khai các hoạt động, dự án phát triển sản xuất, kinh doanh nhiều khi gặp khó khăn bởi các quy định của pháp luật có việc, có nội dung quy định chưa đồng bộ, thống nhất, còn chồng chéo, vướng mắc; trình tự, thủ tục liên quan đến công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng gồm nhiều khâu, nhiều bước, nhiều cấp, nhiều ngành phải phối hợp thực hiện; trong khi vấn đề thỏa thuận, thu hồi, bồi thường để giải phóng mặt bằng thường gặp khó khăn nên mất nhiều thời gian để doanh nghiệp có thể tiếp cận được đất đai để triển khai các hoạt động sản xuất, kinh doanh.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

Nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền, đoàn thể, cán bộ, đảng viên về chủ trương, chính sách, pháp luật về phát triển doanh nghiệp chưa đầy đủ nên công tác tham mưu, hỗ trợ doanh nghiệp chưa thực sự hiệu quả, chưa khai thác được tối đa tiềm năng để phát triển doanh nghiệp.

Sự phối hợp của các cấp, các ngành trong việc giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, doanh nghiệp có lúc, có nơi chưa đồng bộ, nhịp nhàng, một bộ phận chưa chủ động nâng cao trách nhiệm trong việc hỗ trợ, giúp đỡ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp. Ở một số đơn vị, địa phương còn thiếu thông tin công khai, hướng dẫn, thông tin hỗ trợ doanh nghiệp.

Cho vay tín dụng gặp khó khăn chủ yếu do: thiết chế về đất đai (quyền sử dụng đất) chưa tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn ngân hàng; sự thiếu minh bạch của bản thân một bộ phận doanh nghiệp (báo cáo tài chính, kê khai tài sản, hoạt động sản xuất, kinh doanh không rõ ràng, trung thực,..); nhiều DNNVV thiếu tài sản bảo đảm, thiếu dự án kinh doanh khả thi hoặc không chứng minh được hiệu quả sản xuất kinh doanh; hoạt động sản xuất kinh doanh nhiều doanh nghiệp mang tính tự phát, thiếu kế hoạch, chiến lược cụ thể, sức chịu đựng rủi ro thấp, khả năng chống đỡ kém trước biến động của thị trường, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh, hiệu quả sử dụng vốn vay và khả năng trả nợ ngân hàng.

Việc áp dụng khoa học công nghệ trong quản trị doanh nghiệp, triển khai các dịch vụ công trực tuyến còn hạn chế, doanh nghiệp chưa dành nhiều quỹ thời gian để nghiên cứu, tìm hiểu và thực hiện các quy định pháp luật của Nhà nước nên chưa tạo được đột phá trong nâng cao chất lượng doanh nghiệp và giải quyết thủ tục hành chính.

Việc hộ kinh doanh chuyển đổi sang doanh nghiệp còn thấp do tâm lý lo ngại khi chuyển sang hoạt động theo loại hình doanh nghiệp sẽ mất thời gian làm thủ tục, tổ chức lại bộ máy làm việc, thuê kế toán; phát sinh gánh nặng về thuế, phí; phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động; chịu nhiều ràng buộc của pháp luật về tổ chức quản lý doanh nghiệp... là những rào cản trong việc thúc đẩy hộ kinh doanh chuyển đổi lên doanh nghiệp.

Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn chưa đáp ứng nhu cầu của thị trường, thiếu tư vấn có năng lực, kinh nghiệm, am hiểu pháp luật, nhất là trong lĩnh vực tư vấn pháp luật, tư vấn dự án đầu tư, tìm kiếm đối tác kinh doanh, tìm kiếm thông tin, xúc tiến thương mại và các dịch vụ liên quan tới công nghệ, chuyển đổi số...

Phần thứ ba **NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN**

I. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu tổng quát

Tạo cơ chế, chính sách thuận lợi nhằm khuyến khích, thúc đẩy các tổ chức, cá nhân thành lập doanh nghiệp và hoạt động theo quy định của pháp luật, thúc đẩy phát triển doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước, đóng góp cho kinh tế-xã hội của tỉnh Sơn La phát triển xanh, nhanh và bền vững.

Tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, minh bạch để khuyến khích các hộ kinh doanh có tiềm năng mở rộng đầu tư, chuyển đổi thành lập doanh nghiệp và hoạt động theo quy định; hỗ trợ các DNNVV, doanh nghiệp khởi nghiệp tăng trưởng chất lượng và hiệu quả, tạo nền tảng vững chắc, động lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội địa phương, phấn đấu sớm xây dựng Sơn La trở thành tỉnh phát triển khá trong khu vực Trung du và miền núi phía Bắc.

Hỗ trợ nhằm khuyến khích các dự án sản xuất hoạt động tập trung trong các Khu, cụm công nghiệp, dịch chuyển các dự án hoạt động trong các lĩnh vực truyền thống vào các khu, cụm công nghiệp nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường, nâng cao tính ổn định và an toàn trong sản xuất, kinh doanh; thúc đẩy hình thành liên kết giữa các DNNVV, giữa DNNVV và các doanh nghiệp dẫn dắt trong chuỗi (*doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài*); hỗ trợ DNNVV chuyển đổi số; hỗ trợ tham gia thành cụm liên kết, chuỗi giá trị trong khu vực, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế của DNNVV.

2. Mục tiêu cụ thể

- Đẩy mạnh cải cách TTHC và ứng dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4. Phân đấu đến năm 2025 đạt trên 90% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp gia nhập thị trường, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh để thu hút, hỗ trợ các nhà đầu tư tích cực tham gia các chương trình, dự án phát triển sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh, góp phần cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) qua từng năm.

- Hình thành Trung tâm khởi nghiệp sáng tạo; xây dựng cơ sở ươm tạo hoặc khu làm việc chung để hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo;

- Phân đấu đến hết năm 2025:

(1) Trung bình mỗi năm thành lập mới khoảng 300 đến 350 doanh nghiệp trở lên;

(2) Đào tạo cho khoảng 10.000 người lao động cho các doanh nghiệp;

(3) Hỗ trợ 100% miễn phí phần mềm kế toán và kế toán thuế cho các doanh nghiệp thành lập mới, doanh nghiệp khởi nghiệp;

(4) 100% doanh nghiệp được tư vấn, hướng dẫn và hỗ trợ thực hiện việc làm hồ sơ, thủ tục nộp thuế điện tử;

(5) 100% DNNVV được hỗ trợ nâng cao nhận thức về chuyển đổi số;

(6) Hình thành được các cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trong lĩnh vực sản xuất, chế biến các sản phẩm chủ lực, thế mạnh của tỉnh; hỗ trợ DNNVV tham gia liên kết ngành, chuỗi giá trị.

II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, ĐIỀU KIỆN THAM GIA ĐỀ ÁN

1. Phạm vi và thời gian thực hiện của Đề án

- Phạm vi hỗ trợ: trên địa bàn tỉnh Sơn La.

- Thời gian thực hiện Đề án: thực hiện đến hết năm 2025.

2. Đối tượng của Đề án

- Doanh nghiệp được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, đáp ứng các tiêu chí xác định DNNVV theo quy định tại Điều 5, Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ DNNVV, có địa

chỉ trụ sở chính hoặc có dự án trên địa bàn tỉnh Sơn La và phải đăng ký kê khai nộp thuế tại tỉnh Sơn La;

- Các hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh, có nhu cầu và tiềm năng phát triển chuyển đổi thành doanh nghiệp;

- Cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan đến công tác hỗ trợ DNNVV.

3. Nguyên tắc hỗ trợ của Đề án

3.1. Căn cứ vào nguồn lực hỗ trợ, DNNVV được nhận nguồn lực hỗ trợ như sau: DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh; DNNVV khởi nghiệp sáng tạo; DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; DNNVV do phụ nữ làm chủ; DNNVV sử dụng nhiều lao động nữ hơn; Doanh nghiệp nộp hồ sơ đáp ứng các điều kiện theo quy định.

3.2. Trường hợp DNNVV đồng thời đáp ứng điều kiện của các mức hỗ trợ khác nhau trong cùng một nội dung hỗ trợ theo Đề án này và các quy định khác của pháp luật có liên quan thì doanh nghiệp được lựa chọn mức hỗ trợ có lợi nhất.

3.3. Mức hỗ trợ của Đề án bằng mức hỗ trợ tại Nghị định 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ DNNVV.

III. NỘI DUNG VÀ CÁC NHIỆM VỤ HỖ TRỢ CỦA ĐỀ ÁN

1. Hỗ trợ thông tin, tư vấn cho DNNVV (theo Điều 12, Điều 13 - Nghị định 80/2021/NĐ-CP)

1.1. Nhiệm vụ

Cập nhật công bố các thông tin trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; hỗ trợ tư vấn pháp luật trực tuyến cho doanh nghiệp.

Nâng cấp, duy trì, quản lý vận hành Cổng thông tin và thu thập, cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu hỗ trợ DNNVV để cung cấp thông tin miễn phí cho DNNVV về các chương trình, kế hoạch, dự án, hoạt động hỗ trợ DNNVV, thông tin về thị trường, công nghệ... thực hiện kết nối cộng đồng doanh nghiệp.

Xây dựng và thực hiện chương trình tư vấn, hỗ trợ pháp lý để cung cấp thông tin, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, tư vấn pháp luật cho DNNVV.

1.2. Giải pháp, nội dung hỗ trợ

a) Bố trí kinh phí để phát triển, nâng cấp và duy trì Cổng thông tin điện tử của tỉnh; Hiệp hội doanh nghiệp; công bố các thông tin về: kinh tế - xã hội hàng tháng, quý, năm; bản đồ tổng thể các đồ án quy hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt; thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trong và ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp; bảng giá đất hàng năm trên địa bàn tỉnh; bảng giá vật liệu xây dựng hàng quý; kế hoạch phân bổ nguồn vốn đầu tư phát triển trung hạn và hàng năm; kế hoạch giao dự toán ngân sách nhà nước hàng năm; thông tin về kế hoạch, chương trình, dự án; hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp; thông tin về thị trường; tín dụng; sản phẩm; chỉ dẫn kinh doanh; danh mục và thông tin các dự

án kêu gọi đầu tư của tỉnh; các chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư của tỉnh; các văn bản pháp luật của trung ương và của tỉnh liên quan đến doanh nghiệp và các thông tin khác theo nhu cầu của doanh nghiệp, phù hợp với quy định của pháp luật; kết nối đầu mối...

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư hỗ trợ DNNVV cập nhật thông tin, công bố các thông tin trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; nâng cấp Cổng thông tin điện tử của Sở, kết nối với các ngân hàng để triển khai hỗ trợ doanh nghiệp đăng ký tài khoản chờ tại ngân hàng ngay tại bước đăng ký thành lập doanh nghiệp; nghiên cứu, kết nối với các đơn vị cung cấp chữ ký số; đơn vị khắc dấu; dịch vụ bưu chính công ích nhằm cắt giảm chi phí, thời gian gia nhập thị trường của doanh nghiệp.

c) Sở Tư pháp tiếp tục triển khai thực hiện kế hoạch số 204/KH-UBND ngày 02/10/2019 của UBND tỉnh về hỗ trợ pháp lý cho DNNVV trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 của Chính phủ; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị xây dựng, thực hiện Chương trình hỗ trợ pháp lý cho DNNVV đến năm 2025.

d) Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp thông tin miễn phí về hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong nước và quốc tế thuộc lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; thông tin về sản phẩm, công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp cho DNNVV.

đ) Các sở, ban ngành cung cấp số điện thoại đường dây nóng, tư vấn, hỗ trợ miễn phí thủ tục pháp lý cho các tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký thành lập doanh nghiệp, các thông tin liên quan đến đăng ký Giấy phép hoạt động, đăng ký các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, đăng ký chứng chỉ hành nghề... hỗ trợ các DNNVV, doanh nghiệp khởi nghiệp; tăng cường phối hợp với Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh và các tổ chức thành viên trong công tác hỗ trợ thông tin, tư vấn cho các DNNVV.

2. Cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, hỗ trợ DNNVV, doanh nghiệp khởi nghiệp ra nhập thị trường

2.1. Nhiệm vụ

Đẩy mạnh cải cách các thủ tục hành chính về: đăng ký doanh nghiệp, cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh có điều kiện, đăng ký đầu tư, thuế, hải quan, đất đai, xây dựng, điện năng, bảo hiểm xã hội, phòng cháy, chữa cháy,..

Hỗ trợ doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ tiện ích, đẩy mạnh đăng ký qua mạng điện tử, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong khâu thực hiện TTHC về đăng ký doanh nghiệp.

2.2. Giải pháp, nội dung hỗ trợ

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính về đăng ký doanh nghiệp, đẩy nhanh tiến độ giải quyết hồ sơ đăng ký qua mạng điện tử. Nghiên cứu, đề xuất thực hiện tích hợp các thủ tục: đăng ký thành lập doanh nghiệp; đăng công bố thông tin đăng ký doanh nghiệp; đăng ký tài khoản ngân hàng, đăng ký chữ

ký số, đăng ký kê khai thuế, kê khai bảo hiểm xã hội... để sử dụng các dịch vụ tiện ích hỗ trợ doanh nghiệp như: (1) Dịch vụ tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính; (2) Dịch vụ mở tài khoản ngân hàng; (3) Dịch vụ cấp biên lai điện tử; (4) Dịch vụ chữ ký số... giúp giảm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp.

Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chủ động chỉ đạo giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) chuyên ngành, thuộc lĩnh vực phụ trách sau đăng ký thành lập doanh nghiệp để rút ngắn thời gian chính thức đi vào hoạt động cho doanh nghiệp, đặc biệt đối với thủ tục “Cấp phép điều kiện kinh doanh” và một số giấy phép khác. Công khai quy trình, đơn giản hóa thủ tục, hướng dẫn hỗ trợ doanh nghiệp, người dân thực hiện TTHC nhằm giảm chi phí, thời gian “Khởi sự kinh doanh”.

Nâng cao trình độ, năng lực công tác, đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp, tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính, xử lý nghiêm các hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực, gây khó khăn cho doanh nghiệp khi thực hiện các thủ tục hành chính.

Cải thiện chất lượng, nâng cao điểm số và thứ hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); Cải thiện các yếu tố môi trường kinh doanh theo Nghị quyết 02/NQ-CP của Chính phủ. Hàng năm, tiếp tục thực hiện đánh giá Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành và cấp huyện (DDCI).

3. Hỗ trợ tiếp cận tín dụng (Điều 26, Điều 27 Nghị định 80/2021/NĐ-CP)

3.1. Nhiệm vụ

Các tổ chức tín dụng thực hiện cho vay có hỗ trợ lãi suất đối với DNNVV khởi nghiệp sáng tạo và DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị theo quy định tại Điều 26, 27 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP. Phối hợp thực hiện rà soát, đối chiếu số liệu đề nghị quyết toán cấp bù chênh lệch lãi suất của các tổ chức tín dụng.

3.2. Giải pháp, nội dung hỗ trợ

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Sơn La đẩy mạnh thực hiện các chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp, chỉ đạo các tổ chức tín dụng tăng cường công tác tuyên truyền, điều kiện thuận lợi để hỗ trợ DNNVV dễ dàng tiếp cận các nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương, tỉnh, nguồn vốn chính sách xã hội, đảm bảo đúng nguyên tắc, đối tượng và nội dung theo quy định.

Các tổ chức tín dụng có các giải pháp thực hiện đơn giản hóa thủ tục tín dụng để doanh nghiệp thuận lợi trong việc tiếp cận nguồn vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, bố trí các gói tín dụng với lãi suất ưu đãi hợp lý cho DNNVV vay.

Tổ chức lồng ghép các Chương trình mục tiêu có liên quan trên địa bàn tỉnh Sơn La để mang lại hiệu quả cao khi sử dụng kinh phí hỗ trợ của Nhà nước.

Tạo điều kiện cho các DNNVV tiếp cận nguồn vốn để tham gia cung ứng các sản phẩm, dịch vụ phục vụ cho Chương trình mục tiêu.

4. Hỗ trợ thuế, kế toán (theo Điều 18, Điều 19 Nghị định 80/2021/NĐ-CP)

4.1. Nhiệm vụ

Nghiên cứu, đề xuất cắt giảm các thủ tục hành chính về thuế không còn phù hợp với tình hình thực tế, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp.

Hỗ trợ, hướng dẫn miễn phí về mở sổ sách kế toán đối với hộ kinh doanh chuyển lên doanh nghiệp, doanh nghiệp mới thành lập và doanh nghiệp khởi nghiệp.

4.2. Giải pháp, nội dung hỗ trợ

Cục Thuế tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan cấp đăng ký kinh doanh, các cơ quan thông tấn báo chí trong tỉnh thực hiện tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật thuế mới được sửa đổi, bổ sung, thay thế để các doanh nghiệp kịp thời nắm bắt, thực hiện.

Hướng dẫn các thủ tục cần thiết để các DNNVV được hưởng chính sách hỗ trợ miễn giảm, ưu đãi về thuế theo quy định.

Hướng dẫn các doanh nghiệp siêu nhỏ áp dụng hình thức kế toán đơn giản theo quy định của pháp luật.

Phối hợp với các đơn vị cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử, phần mềm kế toán triển khai các chương trình miễn phí 12 tháng đối với các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ mới thành lập đến năm 2025.

5. Hỗ trợ chuyển đổi số đối với DNNVV (theo Khoản 1, Khoản 2 của Điều 11, Nghị định 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021)

5.1. Nhiệm vụ

Thực hiện theo Kế hoạch 251/KH-UBND ngày 01/11/2021 triển khai Quyết định 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 31/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chuyển đổi số tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

5.2. Giải pháp nội dung hỗ trợ

a) Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì: hướng dẫn, tư vấn thiết kế miễn phí hệ thống mạng LAN, phương thức kết nối Internet cho các DNNVV.

Xây dựng Kế hoạch, dự toán hỗ trợ DNNVV; Tư vấn miễn phí chuyển đổi số cho doanh nghiệp. Hướng dẫn các doanh nghiệp tiếp cận, ứng dụng miễn phí các nền tảng, giải pháp công nghệ số cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Tư vấn, hướng dẫn về chuyển đổi số nhằm tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy các DNNVV trên địa bàn tỉnh có thể kết nối triển khai nền tảng thanh toán trực tuyến, di động, sàn thương mại điện tử của tỉnh...

Hỗ trợ cung cấp thông tin cho các DNNVV tìm hiểu về công nghệ cao, công nghệ thông minh, ứng dụng công nghệ số trong quản lý chất lượng, truy

xuất nguồn gốc, chỉ dẫn địa lý; hỗ trợ các DNNVV tạo ra các sản phẩm thông minh, xây dựng dịch vụ về dữ liệu và phát triển kỹ năng số cho người lao động.

b) Các sở, ban, ngành, UBND các huyện phối hợp với các hiệp hội, chi hội, hội, câu lạc bộ truyền thông tới các doanh nghiệp về chuyển đổi số là xu hướng phát triển tất yếu.

6. Hỗ trợ công nghệ; cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung (theo Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5 - Điều 11, Nghị định 80/NĐ-CP ngày 26/8/2021)

6.1. Nhiệm vụ

Hình thành Trung tâm khởi nghiệp sáng tạo; xây dựng cơ sở ươm tạo hoặc khu làm việc chung nhằm hỗ trợ, ươm tạo các doanh nghiệp có các dự án kinh doanh tiềm năng, sản phẩm có khả năng cạnh tranh cao trên thị trường; hỗ trợ kết nối các doanh nghiệp khởi nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo, các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ kết nối DNNVV với các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Hỗ trợ kinh phí nghiên cứu, đổi mới công nghệ, tiếp nhận, cải tiến, hoàn thiện, làm chủ công nghệ thông qua các hoạt động nghiên cứu, đào tạo, tư vấn, tìm kiếm, giải mã, chuyển giao công nghệ; xác lập, khai thác, quản lý, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp.

Hỗ trợ DNNVV sử dụng hạ tầng, kỹ thuật, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp; Hình thành khu triển lãm, quảng bá, giới thiệu sản phẩm của các DNNVV trên địa bàn tỉnh.

Cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung được hưởng các hỗ trợ sau đây: Miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp theo quy định của pháp luật; Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thời hạn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

6.2. Giải pháp, nội dung hỗ trợ

a) Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp các đơn vị liên quan: đẩy mạnh thực hiện các chương trình hỗ trợ, phổ biến, ứng dụng công nghệ và kỹ thuật tiên tiến tới các DNNVV; khuyến khích việc hợp tác và chia sẻ công nghệ giữa các doanh nghiệp.

Hướng dẫn, khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng hệ thống các tiêu chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý chất lượng quốc tế; khuyến khích doanh nghiệp tham gia các chương trình liên kết ngành, liên kết vùng, chuỗi giá trị và phát triển công nghệ hỗ trợ.

Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng và phát triển thương hiệu, đăng ký sở hữu trí tuệ, tham gia nghiên cứu sáng chế công nghệ cải tiến hoạt động sản xuất kinh doanh; chuyển giao ứng dụng thương mại hóa các đề tài, đề án, phát minh, sáng kiến; hỗ trợ kết nối các doanh nghiệp trong chuỗi sản phẩm.

Hỗ trợ kinh phí cho các DNNVV nghiên cứu đổi mới công nghệ, tiếp nhận, cải tiến, hoàn thiện, làm chủ công nghệ thông qua các hoạt động nghiên

cứu, đào tạo, tư vấn, tìm kiếm, giải mã, chuyển giao công nghệ; xác lập, khai thác, quản lý, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp.

b) Cục Thuế tỉnh chủ trì hướng dẫn: cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung hoàn thiện các thủ tục được hưởng hỗ trợ như: Miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp theo quy định của pháp luật; Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thời hạn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

7. Hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị (theo Điều 23, 24, 25 – Nghị định 80/2021/NĐ-CP)

7.1. Nhiệm vụ

Hỗ trợ DNNVV thông tin, phát triển thương hiệu, kết nối và mở rộng thị trường; Hỗ trợ tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; Hỗ trợ đào tạo; Hỗ trợ nâng cao năng lực liên kết sản xuất và kinh doanh.

Hình thành các cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị đối với các nhóm ngành, sản phẩm thế mạnh của tỉnh, trong đó trước mắt tập trung vào lĩnh vực sản xuất, chế biến các sản phẩm nông nghiệp.

Xây dựng các chương trình đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch, giao thương kết nối trong và ngoài nước.

Tăng cường các hoạt động, chương trình giới thiệu chia sẻ thông tin thị trường trong nước và quốc tế một cách kịp thời, chính xác bằng nhiều hình thức, kết nối, trợ giúp các doanh nghiệp trong việc định hướng hoạt động sản xuất, kinh doanh.

7.2. Giải pháp, nội dung hỗ trợ

a) Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn các nội dung liên quan đến hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; phát triển cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trong triển khai nhiệm vụ hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị sản xuất sản phẩm nông nghiệp quy mô liên huyện.

b) Sở Công thương chủ trì, tổ chức hỗ trợ DNNVV xúc tiến thương mại mở rộng thị trường.

Chủ động phối hợp với Hiệp hội doanh nghiệp để giải quyết và tháo gỡ những hàng rào kỹ thuật, các tranh chấp pháp lý. Xây dựng cơ chế cung cấp thông tin hiệu quả, kịp thời để doanh nghiệp chủ động thích nghi với những thay đổi về chính sách, các cam kết thương mại quốc tế.

c) Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính cân đối bố trí kinh phí để triển khai các chương trình đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, giao thương kết nối trong và ngoài nước theo đề xuất của các sở, ngành đầu mối.

Hỗ trợ kinh phí cho các DNNVV tham gia vào kết nối doanh nghiệp quốc tế, hội chợ triển lãm, hội thảo giới thiệu sản phẩm công nghệ, kết nối kinh doanh để tìm kiếm cơ hội kinh doanh, giới thiệu sản phẩm mở rộng thị trường...

Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào khoa học công nghệ, áp dụng công nghệ cao trong nông nghiệp; hình thành một số quỹ đầu tư mạo hiểm cho các DNNVV.

d) UBND các huyện, thành phố triển khai nhiệm vụ hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị sản xuất sản phẩm nông nghiệp đối với dự án có tổng mức đề nghị hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước dưới 3 tỷ đồng trở xuống và có địa bàn thực hiện liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn các xã, phường, thị trấn thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quản lý (theo quy định tại Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ngày 05/5/2020 của UBND tỉnh Phân cấp phê duyệt hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Sơn La).

8. Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho DNNVV (theo Điều 14 - Nghị định 80/2021/NĐ-CP)

8.1. Nhiệm vụ

Hỗ trợ đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho các DNNVV, doanh nghiệp khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh thông qua các chương trình: Đào tạo kiến thức về khởi sự kinh doanh và quản trị kinh doanh, quản trị kinh doanh chuyên sâu cho các DNNVV do nữ làm chủ.

Hỗ trợ đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp cho các DNNVV hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến.

Hỗ trợ xây dựng và triển khai hệ thống đào tạo trực tuyến và cung cấp các bài giảng trực tuyến, tài khoản miễn phí cho các DNNVV, doanh nghiệp khởi nghiệp nâng cao năng lực quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh.

Hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động làm việc tại các DNNVV.

8.2. Giải pháp, nội dung hỗ trợ

Hỗ trợ kinh phí để triển khai các chương trình đào tạo theo Thông tư 05/2019/TT-BKHĐT ngày 29/3/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho các DNNVV và Thông tư 49/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho DNNVV, bao gồm:

a) Kinh phí tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn kiến thức cơ bản về khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp sáng tạo, kỹ năng cơ bản về quản lý và điều hành doanh nghiệp; đào tạo về quản trị kinh doanh, khởi nghiệp, kê khai thuế, lập kế hoạch kinh doanh, quản lý dự án đầu tư, các thủ tục pháp lý, quản trị tài chính.

b) Chi phí đào tạo tại DNNVV do phụ nữ làm chủ, DNNVV sử dụng nhiều lao động nữ và DNNVV là doanh nghiệp xã hội.

c) Hỗ trợ kinh phí đào tạo nguồn nhân lực cho DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh.

d) DNNVV, doanh nghiệp khởi nghiệp được miễn chi phí tham gia các phiên giao dịch việc làm để tuyển dụng lao động do cơ quan chức năng của tỉnh tổ chức.

d) Các doanh nghiệp có nhu cầu đăng ký với Sở Lao động, Thương binh và xã hội; Trung tâm Xúc tiến Đầu tư tỉnh theo kế hoạch hàng năm.

e) Sở Lao động Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Trung tâm Xúc tiến Đầu tư tỉnh, cùng các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch tổ chức đào tạo hàng năm theo các nội dung trên.

Nghiên cứu, giao quyền chủ động cho doanh nghiệp tham gia đề xuất yêu cầu, xây dựng nội dung đào tạo kỹ năng về sản xuất nông nghiệp, các ngành nghề phi nông nghiệp, các kỹ năng kinh tế số, công nghệ mới, kỹ năng quản lý kinh tế, xúc tiến thương mại, quản lý tài nguyên, môi trường, bảo vệ sản xuất, ngoại ngữ cho lao động xuất khẩu... theo sát yêu cầu thực tế để gắn với giải quyết việc làm và phù hợp với xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn.

9. Hỗ trợ DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh (theo Điều 15, 16, 17, 18, 19 Nghị định 80/2021/NĐ-CP)

9.1. Nhiệm vụ

Tuyên truyền, khuyến khích hộ kinh doanh đủ điều kiện chuyển đổi thành lập doanh nghiệp; nâng cao tỷ lệ DNNVV, doanh nghiệp khởi nghiệp chuyển đổi từ hộ kinh doanh sang doanh nghiệp thông qua việc triển khai đồng bộ các chính sách hỗ trợ.

Hỗ trợ, tư vấn miễn phí về trình tự, thủ tục, hồ sơ đăng ký chuyển đổi thành lập doanh nghiệp; hồ sơ đăng ký ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

Hỗ trợ, hướng dẫn chính sách miễn, giảm thuế, phí, lệ phí... cho các hộ kinh doanh chuyển đổi thành lập doanh nghiệp.

9.2. Giải pháp, nội dung hỗ trợ

a) Tuyên truyền, phổ biến và đào tạo kiến thức khởi sự kinh doanh, khuyến khích hộ kinh doanh chuyển đổi thành lập doanh nghiệp

Sở Kế hoạch và Đầu tư, các huyện, thành phố tích cực, chủ động tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trên các phương tiện thông tin đại chúng về những lợi ích và những chính sách hỗ trợ của Chính phủ, của tỉnh đối với các hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp nhằm nâng cao nhận thức của hộ kinh doanh và khuyến khích hộ kinh doanh chuyển đổi thành lập doanh nghiệp.

Minh bạch, cập nhật và hướng dẫn 100% các thủ tục hành chính trên Trang thông tin điện tử của các cơ quan quản lý nhà nước. Các biểu mẫu hướng dẫn phải được cập nhật đầy đủ, kịp thời khi có sự thay đổi và thuận tiện cho tra cứu, sử dụng.

Hỗ trợ 100% kinh phí đào tạo kiến thức về khởi sự kinh doanh cho hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh nhằm trang bị kiến thức và khuyến khích các hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp.

b) Hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp

Sở Kế hoạch và Đầu tư tư vấn, hướng dẫn miễn phí về trình tự, thủ tục, hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp.

Các sở, ngành cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh, cấp chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện (nếu có): Tư vấn, hướng dẫn miễn phí về trình tự, thủ tục, hồ sơ đăng ký, hỗ trợ doanh nghiệp hoàn thiện thủ tục để doanh nghiệp nhanh chóng đi vào hoạt động.

DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện mà không thay đổi về quy mô thì cần có đơn gửi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để được cấp lại giấy phép. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm cấp lại giấy phép trong thời hạn 03 ngày làm việc (thủ tục kể từ khi nhận được đơn). Trường hợp DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh vẫn sản xuất kinh doanh ngành nghề kinh doanh, có điều kiện mà thay đổi về quy mô thì cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm tư vấn, hướng dẫn miễn phí về quy trình, thủ tục việc cấp phép lần đầu.

d) Thực hiện các chính sách về miễn giảm thuế cho hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp

Miễn lệ phí môn bài trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thời hạn theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp; Miễn, giảm tiền sử dụng đất có thời hạn theo quy định của pháp luật về đất đai.

Tư vấn hướng dẫn miễn phí về thủ tục hành chính thuế cho các doanh nghiệp chuyển đổi từ hộ kinh doanh.

Miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp lần đầu; miễn phí thẩm định, lệ phí cấp phép kinh doanh lần đầu đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

10. Hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo (theo Điều 20, 21, 22 - Nghị định 80/2021/NĐ-CP)

10.1. Nhiệm vụ

Triển khai có hiệu quả Kế hoạch hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Sơn La giai đoạn 2017- 2025 đã được duyệt tại Quyết định 2610/QĐ-UBND ngày 09/10/2017.

Triển khai hỗ trợ các DNNVV khởi nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo theo Luật Hỗ trợ DNNVV và các văn bản hướng dẫn có liên quan nhằm khuyến khích hình thành và phát triển các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

Nghiên cứu, ban hành các chính khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học và tham gia đổi mới sáng tạo.

10.2. Giải pháp, nội dung hỗ trợ

a) Sở Khoa học và Công nghệ hỗ trợ các nội dung về sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung; tư vấn sở hữu trí tuệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ; thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường,

chất lượng; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm, mô hình kinh doanh mới; Hỗ trợ công nghệ; Hỗ trợ đào tạo, huấn luyện chuyên sâu; gia các cuộc thi quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo, bao gồm:

- Hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung
- Hỗ trợ tư vấn sở hữu trí tuệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ
- Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm, mô hình kinh doanh mới.
- Hỗ trợ hợp đồng tư vấn tìm kiếm, lựa chọn, giải mã và chuyển giao công nghệ phù hợp với doanh nghiệp.
- Hỗ trợ đào tạo, huấn luyện chuyên sâu
- Hỗ trợ kết nối mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo.

b) Sở Công thương: hỗ trợ về thông tin, truyền thông, xúc tiến thương mại.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Kinh phí thực hiện

1.1. Tổng kinh phí giai đoạn 2022 - 2025: khoảng **90.500 triệu đồng** (Chín mươi tỷ năm trăm triệu đồng). Trong đó:

- Ngân sách địa phương: 50.000 triệu đồng (Nguồn SNKT, Chi thường xuyên, khác)
- Ngân sách Trung ương: 34.500 triệu đồng (đề xuất các Bộ, ngành theo lĩnh vực)
- Nguồn khác: 6.000 triệu đồng (ODA viện trợ không hoàn lại)

Các sở, ngành theo chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng quy định hỗ trợ cụ thể, hàng năm lập dự toán, kế hoạch theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước hoặc sử dụng kinh phí thường xuyên hàng năm.

1.2. Kinh phí chia theo giai đoạn

(có Phụ lục chi tiết kèm theo)

2. Nguồn vốn: nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Tùy điều kiện thực tế triển khai các hoạt động được đánh giá có hiệu quả từng năm: Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định điều chuyển kinh phí một số hoạt động không hiệu quả sang hoạt động có hiệu quả của Đề án để triển khai thực hiện trong các năm tiếp theo.

V. CƠ CHẾ QUẢN LÝ, GIÁM SÁT

1. Cơ chế phối hợp thực hiện Đề án

Các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì thực hiện các nội dung hỗ trợ DNNVV chủ động tổ chức, triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao tại Đề án hỗ trợ DNNVV theo quy định của pháp luật. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm

phối hợp với các cơ quan, đơn vị chủ trì theo chức năng, nhiệm vụ thuộc lĩnh vực, địa bàn quản lý.

Các cơ quan, đơn vị thực hiện chế độ báo cáo năm gửi UBND tỉnh (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) trước ngày 05/12 hằng năm. Kịp thời báo cáo khó khăn, vướng mắc (nếu có) và đề xuất giải pháp thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ DNNVV.

2. Kiểm tra, giám sát, đánh giá

Công tác hỗ trợ DNNVV phải được kiểm tra, giám sát, đánh giá theo quy định. Việc kiểm tra, giám sát được thực hiện thường xuyên và theo từng năm; việc đánh giá kết quả thực hiện đề án, tác động đối với đối tượng hỗ trợ được thực hiện sau thời điểm kết thúc Đề án. Ngoài ra, thực hiện việc đánh giá hỗ trợ DNNVV theo Kế hoạch của các bộ, ngành Trung ương.

- Nội dung kiểm tra, giám sát bao gồm:

+ Việc lựa chọn đối tượng hỗ trợ, việc thực hiện trình tự, thủ tục và nội dung hỗ trợ.

+ Việc chấp hành pháp luật trong quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ, tài trợ.

+ Việc thực hiện công khai thông tin hỗ trợ DNNVV.

Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm: Tham mưu, xây dựng kế hoạch thực hiện kiểm tra, giám sát hàng năm của UBND tỉnh đối với việc hỗ trợ DNNVV; tham mưu tổ chức đánh giá kết quả thực hiện Đề án; thực hiện công khai kết quả đánh giá theo quy định.

VI. XỬ LÝ CHUYÊN TIẾP

1. Kể từ ngày Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 được phê duyệt, hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trước ngày Đề án được phê duyệt được tiếp tục thực hiện theo nội dung, chương trình, kế hoạch đã được phê duyệt và doanh nghiệp được hưởng các hỗ trợ mới theo quy định tại Đề án này.

2. Trường hợp doanh nghiệp nhỏ và vừa đã nộp hồ sơ hoặc đề nghị hỗ trợ theo Quyết định 1834/QĐ-UBND ngày 26/7/2019 của UBND tỉnh nhưng chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thì doanh nghiệp nộp lại hoặc bổ sung hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ theo quy định tại Đề án này để được xem xét, phê duyệt theo quy định.

Phần thứ tư TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố

Tuyên truyền, phổ biến về chính sách, nội dung hỗ trợ DNNVV theo Luật Hỗ trợ DNNVV và Đề án hỗ trợ DNNVV trên địa bàn tỉnh Sơn La đến năm 2025.

Thực hiện công khai nội dung, chương trình, kết quả thực hiện hỗ trợ DNNVV và các thông tin khác có liên quan. Việc công khai thông tin hỗ trợ DNNVV thực hiện theo Điều 29 Luật Hỗ trợ DNNVV.

Hàng năm, đề xuất kế hoạch và dự toán NSNN hỗ trợ DNNVV theo kế hoạch, dự toán của đơn vị (*biểu mẫu tại Thông tư 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10/5/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư*) gửi Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp.

Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm tư vấn, cung cấp thông tin, hoàn thiện hồ sơ doanh nghiệp cho DNNVV; các sở, ngành, đơn vị cấp giấy phép kinh doanh ngành nghề có điều kiện theo thẩm quyền, có trách nhiệm bố trí bộ phận tư vấn hướng dẫn miễn phí trình tự, thủ tục, hồ sơ đăng ký chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, thực hiện miễn phí thẩm định và lệ phí cấp phép kinh doanh lần đầu theo quy định tại Điều 17 của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ.

Hàng năm, rà soát báo cáo kết quả thực hiện hỗ trợ theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình gửi UBND tỉnh (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) trước ngày 15/11.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: là cơ quan đầu mối giúp UBND tỉnh tổ chức thực hiện Đề án này; triển khai các hoạt động hỗ trợ DNNVV đúng mục tiêu nhiệm vụ được giao; thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp báo cáo UBND tỉnh tình hình thực hiện định kỳ hằng năm.

a) Chủ trì, phối hợp với các ngành, huyện, thành phố xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương hỗ trợ DNNVV; báo cáo UBND tỉnh gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp chung; đồng thời gửi Sở Tài chính tổng hợp chung vào dự toán ngân sách địa phương trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Tham mưu phương án giao nhiệm vụ hỗ trợ DNNVV sử dụng nguồn NSTW và ngân sách địa phương (*trên cơ sở dự toán chi NSDP được bố trí*) cho các cơ quan, tổ chức hỗ trợ DNNVV, trình UBND tỉnh quyết định; sao gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để phối hợp, theo dõi.

Chỉ đạo cơ quan đăng ký kinh doanh thực hiện nghiêm túc và tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân, hộ kinh doanh đến thực hiện thủ tục đăng ký kinh doanh, giải quyết các TTHC liên quan đến đăng ký doanh nghiệp đúng hoặc sớm hơn thời gian quy định.

b) Tăng cường tuyên truyền, hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp triển khai thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử, nâng cao tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên địa bàn tỉnh đạt trên 90%.

c) Chỉ đạo thực hiện một số nội dung công việc sau:

- Xây dựng hồ sơ mẫu, biểu liên quan đến thay đổi nội dung ĐKDN (*không có trong Thông tư hướng dẫn của Bộ KH&ĐT*), công khai lên Cổng thông tin điện tử của Sở Kế hoạch và Đầu tư để hạn chế việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký kinh doanh.

- Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu, website của Sở để cung cấp các thông tin hỗ trợ doanh nghiệp.

- Thực hiện xây dựng, biên soạn các tài liệu, tờ rơi, cẩm nang hướng dẫn thực hiện quy trình đăng ký kinh doanh qua mạng điện tử, các hoạt động hỗ trợ DNNVV trên địa bàn tỉnh. Xây dựng và phát hành các tài liệu, tờ rơi hoặc cẩm nang cho hộ kinh doanh nhằm phổ biến kịp thời các quy định pháp luật có liên quan đến chuyển đổi từ hộ kinh doanh lên doanh nghiệp...

d) Trung tâm Xúc tiến đầu tư tỉnh phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai các chương trình hỗ trợ đào tạo phát triển nguồn nhân lực cho DNNVV (*bao gồm các DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh*): các khóa đào tạo về khởi sự kinh doanh; các chương trình đào tạo hướng dẫn về lập phương án sản xuất kinh doanh cho các DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh; quản trị doanh nghiệp và các chương trình hỗ trợ đào tạo theo quy định.

- Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại nhằm quảng bá, giới thiệu các sản phẩm dịch vụ của các DNNVV trên địa bàn tới các thị trường, nhà đầu tư trong và ngoài nước; triển khai thực hiện các chương trình hoạt động xúc tiến thương mại, hội chợ, kết nối giao thương, trao đổi sản phẩm hàng hóa giữa các doanh nghiệp trên địa bàn với các thị trường trong nước và nước ngoài.

- Chủ trì phối hợp với các sở, ngành có liên quan xây dựng các chương trình xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ hướng dẫn khen thưởng; tổng hợp các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong tổng kết Đề án, trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng (*qua Sở Nội vụ*); tham mưu UBND tỉnh nhắc nhở, phê bình các đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ giao tại Đề án.

3. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố thẩm định dự toán, tổng hợp vào dự toán ngân sách địa phương trình cấp có thẩm quyền.

b) Hướng dẫn, tư vấn miễn phí về TTHC thuế và chế độ kế toán trong thời hạn 03 năm kể từ ngày DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh; tư vấn, hướng dẫn các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố thực hiện quy trình, thủ tục thanh quyết toán kinh phí thực hiện các chính sách, chương trình hỗ trợ của Đề án.

c) Phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan trong việc xét hỗ trợ đầu tư; kiểm tra, thanh tra việc thực hiện hỗ trợ theo thẩm quyền.

4. Sở Khoa học và Công nghệ:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố đẩy mạnh việc hỗ trợ nâng cao năng lực công nghệ cho DNNVV; công bố danh mục các văn bản hướng dẫn về nghiên cứu, đổi mới công nghệ, tiếp nhận, cải tiến, hoàn thiện, làm chủ công nghệ, tìm kiếm, giải mã, chuyển giao công nghệ, xác lập, khai thác, quản lý, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ đối với DNNVV. Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng và phát triển thương hiệu, đăng

ký sở hữu trí tuệ, tham gia nghiên cứu sáng chế công nghệ cải tiến hoạt động sản xuất kinh doanh; triển khai kế hoạch hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Sơn La giai đoạn 2017-2025;

b) Hỗ trợ tư vấn các doanh nghiệp xây dựng áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến như: HACCP; Global GAP; ISO 9001; ISO 14001; ISO 15189... hoặc áp dụng công cụ cải tiến năng suất chất lượng như: 5S, Kaizen...

c) Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung có trên địa bàn; nghiên cứu vận dụng các chính sách hỗ trợ, đề xuất các giải pháp, chương trình hành động nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động hỗ trợ công nghệ, cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu cho UBND tỉnh thành lập Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Sơn La; đề xuất các lĩnh vực tiềm năng cần hỗ trợ để khởi nghiệp sáng tạo; đề xuất hoạt động hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo...

5. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì rà soát, công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quỹ đất chưa sử dụng, tạo thuận lợi cho DNNVV trong tiếp cận đất đai.

Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thành phố tạo điều kiện thuận lợi cho các DNNVV thực hiện cơ chế tự thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tiến hành các thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo quy định...

6. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: chủ trì thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ đào tạo nghề đối với lao động đang làm việc trong DNNVV; xây dựng quy trình, hướng dẫn, các doanh nghiệp, cơ sở đào tạo nghề nghiệp trên địa bàn tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề đối với lao động đang làm việc trong doanh nghiệp theo đúng quy định. Tổng hợp kế hoạch và kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề đối với lao động đang làm việc trong doanh nghiệp của các cơ sở đào tạo nghề nghiệp trên địa bàn theo quy định hiện hành báo cáo UBND tỉnh.

a) Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến Bộ luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện các thủ tục liên quan đến lao động đối với DNNVV.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan kết nối cung - cầu lao động, thông qua hệ thống sàn giao dịch việc làm để tạo điều kiện cho doanh nghiệp tuyển dụng lao động phù hợp với yêu cầu sản xuất, kinh doanh.

7. Sở Nội vụ: Hàng năm triển khai công tác thanh tra, kiểm tra việc triển khai thực hiện công tác CCHC; việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công sở, văn hóa giao tiếp với nhân dân của cán bộ,

công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh; phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng cho các tập thể cá nhân có thành tích xuất sắc trong tổng kết Đề án.

Chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn các doanh nghiệp thành lập và tổ chức hoạt động hội nghề nghiệp. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu cho UBND tỉnh thành lập Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Sơn La.

8. Sở Công Thương: chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu, trình UBND tỉnh cơ chế hỗ trợ mở rộng thị trường, xúc tiến thương mại cho DNNVV và triển khai, hướng dẫn thực hiện theo quy định. Tham mưu trình UBND tỉnh ban hành, triển khai cơ chế, giải pháp về xây dựng phát triển chuỗi giá trị lĩnh vực công thương... Hướng dẫn thực hiện chương trình khuyến công và phát triển thương mại điện tử; giải pháp khuyến khích sản xuất kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm và đẩy mạnh xuất khẩu.

a) Chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan, đề xuất các dự án kêu gọi đầu tư, các Nhà máy chế biến quy mô công nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp – TTCN tham gia đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp; đề xuất hoạt động hỗ trợ DNNVV tham gia sản xuất, kinh doanh trong chuỗi giá trị: hình thành, xác định các cụm công nghiệp, chuỗi giá trị Nhà nước cần ưu tiên đầu tư hỗ trợ phát triển, đề xuất giải pháp kết nối doanh nghiệp lớn của vùng, ngành với DNNVV trong cụm công nghiệp, chuỗi giá trị nhằm tận dụng lợi thế vùng sản phẩm, tiêu chuẩn hóa sản phẩm...

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố tham mưu UBND tỉnh xây dựng cơ chế, chính sách thu hút, kêu gọi đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; thông báo công khai quy hoạch diện tích đất dành cho DNNVV trong cụm công nghiệp; hỗ trợ DNNVV tìm kiếm mặt bằng, để triển khai dự án sản xuất, kinh doanh ngoài các cụm công nghiệp; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện hỗ trợ mặt bằng sản xuất trong cụm công nghiệp.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn về kỹ năng thương mại, thương mại điện tử, kiến thức hội nhập kinh tế quốc tế và các khóa học về điều kiện kinh doanh lĩnh vực công thương.

d) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng quy trình, thủ tục lựa chọn các DNNVV của tỉnh tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trong lĩnh vực sản xuất, chế biến đáp ứng đủ điều kiện để được hưởng các chính sách hỗ trợ trong hoạt động sản xuất theo quy định của pháp luật.

9. Sở Tư pháp: tiếp tục phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố; Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh tổ chức thực hiện các Chương trình, Đề án, Kế hoạch về hỗ trợ pháp lý cho DNNVV. Đẩy mạnh cung cấp thông tin, bồi dưỡng kiến thức, tư vấn pháp luật cho DNNVV trên địa bàn.

10. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Hướng dẫn các nội dung liên quan đến hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; phát triển cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trong triển khai nhiệm vụ hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị sản xuất sản phẩm nông nghiệp quy mô liên huyện.

11. Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Chủ trì hướng dẫn, hỗ trợ các DNNVV thực hiện chuyển đổi số; xây dựng kế hoạch, tổ chức khóa đào tạo, hội thảo cho doanh nghiệp về chuyển đổi số đề cộng đồng doanh nghiệp tiếp cận kiến thức, nâng cao năng lực thúc đẩy DN chuyển đổi số, hướng tới phát triển kinh tế số; xây dựng chính quyền số; Hướng dẫn DNNVV chuẩn bị hồ sơ, thủ tục theo quy định để được Nhà nước hỗ trợ ngân sách thực hiện chuyển đổi số.

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan, các cơ quan truyền thông tuyên truyền rộng rãi các nội dung của Đề án; phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình Sơn La, Báo Sơn La, xây dựng các chuyên trang, chuyên mục phù hợp để phổ biến nội dung của Đề án, tuyên truyền hướng dẫn các hộ kinh doanh về lợi ích và sự cần thiết khi thực hiện chuyển đổi thành doanh nghiệp; tuyên truyền về sự cần thiết phải chủ động chuyển đổi số.

12. Cục Thuế tỉnh: chủ trì, phân công các chi cục thuế trên địa bàn hướng dẫn và tuyên truyền công tác quản lý thuế, kê khai quyết toán và chấp hành các chính sách, pháp luật về thuế; hướng dẫn, tư vấn miễn phí các thủ tục hành chính về thuế; hướng dẫn và thực hiện chính sách phí, lệ phí, chính sách miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thời hạn cho doanh nghiệp. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức các khóa đào tạo về chính sách thuế và kế toán thuế cho doanh nghiệp mới thành lập.

a) Hàng năm xây dựng kế hoạch và tổ chức tập huấn miễn phí về các dịch vụ thuế điện tử, hóa đơn điện tử đối với doanh nghiệp mới thành lập và doanh nghiệp chuyển đổi từ hộ kinh doanh.

b) Chỉ đạo các chi cục thuế trực thuộc, chủ động phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố tuyên truyền chính sách thuế và vận động, hỗ trợ chuyển đổi từ hộ kinh doanh sang DNNVV; hướng dẫn miễn phí về thủ tục hành chính thuế và chế độ kế toán thuế trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thống nhất, chỉ đạo đơn vị trực thuộc thực hiện tư vấn, hướng dẫn miễn phí các thủ tục hành chính và chính sách pháp luật về thuế kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu theo quy định tại Điều 19 của Nghị định số 80/2021/NĐ ngày 26/8/2021 của Chính phủ.

13. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Sơn La

Tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình Kết nối ngân hàng - doanh nghiệp. Triển khai đầy đủ các cơ chế, chính sách theo chỉ đạo của Chính phủ, của NHNN Việt Nam về hỗ trợ DNNVV đến các chi nhánh ngân hàng, tổ chức tín dụng trên địa bàn.

Chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn:

a) Thực hiện tốt công tác huy động vốn nhằm tạo nguồn đáp ứng nhu cầu vốn cho các DNNVV, doanh nghiệp mới chuyển đổi từ hộ kinh doanh theo quy định của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

b) Đẩy mạnh thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính, cải tiến quy trình cho vay theo hướng đơn giản hóa thủ tục vay vốn, rút ngắn thời gian giải quyết cho vay.

c) Triển khai thực hiện các gói tín dụng phù hợp với phân khúc khách hàng doanh nghiệp mới thành lập, doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ theo từng chương trình của ngân hàng theo ngành dọc.

14. Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh:

a) Chủ trì hỗ trợ cung cấp, hướng dẫn thông tin và thủ tục đầu tư đối với các DNNVV, doanh nghiệp mới thành lập có nhu cầu thuê lại mặt bằng sản xuất tại các khu công nghiệp trên địa bàn; khai thác hiệu quả các khu công nghiệp; khuyến khích, định hướng để doanh nghiệp đầu tư vào khu công nghiệp tập trung tạo điều kiện thuận lợi đầu tư hạ tầng và hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

b) Thông báo công khai quy hoạch, diện tích đất trong các khu công nghiệp trên các phương tiện thông tin đại chúng như: báo, đài, trang thông tin điện tử,... để các DNNVV tiếp cận, tìm kiếm mặt bằng để sản xuất, kinh doanh trong các khu công nghiệp; kịp thời hỗ trợ phát triển DNNVV trong quá trình triển khai dự án trong các khu công nghiệp.

15. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội (như Hội Nông dân tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Tỉnh đoàn Sơn La và các tổ chức đoàn thể khác) tham gia tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hỗ trợ DNNVV, về chính sách hỗ trợ DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh, chính sách hỗ trợ DNNVV chuyển đổi số.

16. **Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Sơn La, các Hội nghề nghiệp:** tích cực tuyên truyền, vận động, hướng dẫn thực hiện Luật Hỗ trợ DNNVV và các văn bản hướng dẫn thi hành, Đề án này đến các DNNVV, hộ kinh doanh, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn; phát huy vai trò là cầu nối giữa chính quyền tỉnh với cộng đồng DNNVV; chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành nắm bắt các khó khăn, vướng mắc và nhu cầu của doanh nghiệp và đề xuất trong xây dựng cơ chế chính sách.

Hằng năm, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, các Chi hội, Hội nghề nghiệp xây dựng kế hoạch, đề xuất nhu cầu hỗ trợ và đào tạo cho các DNNVV, doanh nghiệp khởi nghiệp gửi cơ quan liên quan tổng hợp.

17. Các cá nhân, tổ chức, hộ kinh doanh trên địa bàn: cung cấp thông tin, tài liệu về thành lập doanh nghiệp đầy đủ, kịp thời, chính xác theo yêu cầu của cơ quan chức năng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin, tài liệu đã cung cấp. Tuân thủ các quy định của pháp luật; thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước; tiếp nhận, phối hợp và tổ chức thực hiện có hiệu quả nguồn lực hỗ trợ. Chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. / ~~101~~

KHÁI TOÁN KINH PHÍ

THỰC HIỆN ĐỀ ÁN HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA ĐẾN NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1530/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của UBND tỉnh Sơn La)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Đvt	Số lượng	Định mức hỗ trợ từ NSNN (Theo ND 80/NĐ-CP)		Số kinh phí NSNN hỗ trợ (tối đa)	Nguồn vốn kinh phí thực hiện Đề án giai đoạn 2022-2025				Phân kỳ đầu tư Đề án Hỗ trợ DNNVV đến năm 2025				Ghi chú	
					Tỷ lệ %	Số kinh phí		Tổng cộng	NSDP	NSTW	Khác	Tổng cộng	2022	2023	2024		2025
	Tổng cộng:							90.500	50.000	34.500	6.000	90.500	12.140	24.740	26.720	26.900	
I	Hỗ trợ thông tin, tư vấn cho DNNVV						1.600	1.600	1.600	-	-	400	400	400	400	400	
1	Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình hỗ trợ pháp lý để cung cấp thông tin, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, tư vấn pháp luật	Sở Tư pháp					400	400	400			400	100	100	100	100	
2	Hỗ trợ tư vấn cho DNNVV	Trung tâm Xúc tiến đầu tư - Sở KHĐT					1.200	1.200	1.200			1.200	300	300	300	300	
II	Cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh	-					6.000	6.000	-	-	6.000	6.000	1.500	1.500	1.500	1.500	
	Đánh giá Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành và cấp huyện (DDCI)	Sở Kế hoạch và Đầu tư					6.000	6.000			6.000	6.000	1.500	1.500	1.500	1.500	ODA không hoàn lại DA Great
III	Hỗ trợ DNNVV chuyển đổi số	-					10.650	10.640	1.040	9.600	-	10.640	140	3.500	3.500	3.500	
1	Hỗ trợ tư vấn giải pháp chuyển đổi số	Sở Thông tin truyền thông					4.500	4.500		4.500		4.500	-	1.500	1.500	1.500	
1.1	Hỗ trợ tư vấn về quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ và chuyển đổi mô hình kinh doanh cho DN nhỏ	Sở Thông tin truyền thông	DN	30	50%	50	1.500	1.500		1.500		1.500		500	500	500	
1.2	Hỗ trợ tư vấn về quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ và chuyển đổi mô hình kinh doanh cho DN vừa	Sở Thông tin truyền thông	DN	30	50%	100	3.000	3.000		3.000		3.000		1.000	1.000	1.000	
2	Hỗ trợ chi phí thuê, mua các giải pháp chuyển đổi số	Sở Thông tin truyền thông					5.100	5.100		5.100		5.100	-	1.700	1.700	1.700	
2.1	Hỗ trợ chi phí thuê, mua các giải pháp CBS để tự động hóa, nâng cao hiệu quả quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ và chuyển đổi mô hình kinh doanh cho DN siêu nhỏ	Sở Thông tin truyền thông	DN	30	50%	20	600			600		600		200	200	200	

STT	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Đvt	Số lượng	Định mức hỗ trợ từ NSNN (Theo ND 80/NĐ-CP)		Số kinh phí NSNN hỗ trợ (tối đa)	Nguồn vốn kinh phí thực hiện Đề án giai đoạn 2022-2025				Phân kỳ đầu tư Đề án Hỗ trợ DNNVV đến năm 2025				Ghi chú		
					Tỷ lệ %	Số kinh phí		Tổng cộng	NSDP	NSTW	Khác	Tổng cộng	2022	2023	2024		2025	
2.2	Hỗ trợ chi phí thuê, mua các giải pháp CDS để tự động hóa, nâng cao hiệu quả quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ và chuyển đổi mô hình kinh doanh cho DN nhỏ	Sở Thông tin truyền thông	DN	60	50%	50	3.000			3.000			3.000		1.000	1.000	1.000	
2.3	Hỗ trợ chi phí thuê, mua các giải pháp CDS để tự động hóa, nâng cao hiệu quả quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ và chuyển đổi mô hình kinh doanh cho DN vừa	Sở Thông tin truyền thông	DN	15	50%	100	1.500			1.500			1.500		500	500	500	
3	Đào tạo, hội thảo, tập huấn	Sở Thông tin truyền thông					600	600	600				600		200	200	200	
4	Truyền thông về Chuyển đổi số	Sở Thông tin truyền thông					450	440	440				440	140	100	100	100	
IV	Hỗ trợ công nghệ; cơ sở vươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung	-					7.500	7.500	7.500	-	-		7.500	1.000	1.500	2.500	2.500	
1	Hỗ trợ hợp đồng tư vấn xác lập quyền sở hữu trí tuệ; tư vấn quản lý phát triển sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của DN	Sở Khoa học và Công nghệ	DN	12	50%	100	1.200	1.200	1.200				1.200		400	400	400	
2	Hỗ trợ hợp đồng tư vấn chuyển giao công nghệ phù hợp với DN nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/DN	Sở Khoa học và Công nghệ	DN	3	50%	100	300	300	300				300		100	100	100	
3	Trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	Sở Khoa học và Công nghệ					6.000	6.000	6.000				6.000	1.000	1.000	2.000	2.000	
V	Hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị	-					34.900	34.900	20.000	14.900	-		34.900	5.980	9.070	9.900	9.950	
1	Hỗ trợ đào tạo						1.500	1.500	1.500	-	-		1.500	300	400	400	400	
1.1	Hỗ trợ chi phí tổ chức khóa đào tạo nâng cao trình độ công nghệ, kỹ thuật sản xuất chuyên sâu tại DN	Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Công thương	Khóa	10	50%	50	500	500	500				500	200	100	100	100	
1.2	Hỗ trợ chi phí đào tạo cho học viên của DN khi tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu theo nhu cầu phát triển của ngành, chuỗi giá trị	Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Công thương	Học viên	100	50%	10	1.000	1.000	1.000				1.000	100	300	300	300	
2	Hỗ trợ nâng cao năng lực liên kết sản xuất và kinh doanh						2.900	2.900		2.900			2.900	650	750	750	750	

STT	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Đvt	Số lượng	Định mức hỗ trợ từ NSNN (Theo ND 80/ND-CP)		Số kinh phí NSNN hỗ trợ (tối đa)	Nguồn vốn kinh phí thực hiện Đề án giai đoạn 2022-2025				Phân kỳ đầu tư Đề án Hỗ trợ DNNVV đến năm 2025				Ghi chú	
					Tỷ lệ %	Số kinh phí		Tổng cộng	NSĐP	NSTW	Khác	Tổng cộng	2022	2023	2024		2025
2.1	Hỗ trợ hợp đồng tư vấn đánh giá toàn diện năng lực của DNNVV trong cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị	Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Công thương	DN	30	100%	30	900	900		900		900	150	250	250	250	
2.2	Hỗ trợ hợp đồng tư vấn cải tiến, nâng cấp kỹ thuật chuyên sâu cho DNNVV nhằm cải thiện năng lực sản xuất, đáp ứng yêu cầu kết nối, trở thành nhà cung cấp của DN đầu chuỗi	Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Công thương	DN	20	100%	100	2.000	2.000		2.000		2.000	500	500	500	500	
3	Hỗ trợ thông tin, phát triển thương hiệu, kết nối và mở rộng thị trường						25.750	25.750	18.500	7.250	-	25.750	4.650	6.700	7.200	7.200	
3.1	Hỗ trợ hợp đồng tư vấn đăng ký thành công tài khoản bán sản phẩm, dịch vụ trên các sàn thương mại điện tử quốc tế	Sở Công thương	DN	50	50%	100	5.000	5.000		5.000		5.000	1.000	1.000	1.500	1.500	
3.2	Hỗ trợ chi phí duy trì tài khoản trên các sàn TMĐT trong nước và quốc tế, nhưng không quá 02 năm kể từ thời điểm DN đăng ký thành công tài khoản trên sàn TMĐT quốc tế.	Sở Công thương	DN	15	50%	50	750	750		750		750	150	200	200	200	
3.3	Hỗ trợ chi phí thuê địa điểm, thiết kế và dàn dựng gian hàng, vận chuyển sản phẩm trưng bày, chi phí đi lại, chi phí ăn, ở cho đại diện của DN tham gia tại Hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại	Trung tâm Xúc tiến đầu tư - Sở KHĐT					18.500	18.500	18.500			18.500	3.500	5.000	5.000	5.000	
a	Hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại đối với sự kiện tổ chức trong nước	Trung tâm Xúc tiến đầu tư - Sở KHĐT	DN			50											
b	Hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại nước ngoài	Trung tâm Xúc tiến đầu tư - Sở KHĐT	DN			70											
3.4	Hỗ trợ hợp đồng tư vấn về thủ tục xác lập, chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước	Sở Khoa học và Công nghệ	DN	24	100%	50	1.200	1.200		1.200		1.200		400	400	400	
3.5	Hỗ trợ hợp đồng tư vấn tìm kiếm thông tin, quảng bá sản phẩm, phát triển thương hiệu cụm liên kết ngành và chuỗi giá trị	Sở Khoa học và Công nghệ	DN	15	100%	20	300	300		300		300		100	100	100	
4	Hỗ trợ tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đo lường chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ					2.800	2.800	-	2.800	-	2.800	230	670	950	950	
4.1	Hỗ trợ hợp đồng tư vấn						1.300	1.300		1.300		1.300	-	300	500	500	
a	Hỗ trợ hợp đồng tư vấn đề DN xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở	Sở Khoa học và Công nghệ	DN	30	100%	10	300	300		300		300		100	100	100	

STT	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Đvt	Số lượng	Định mức hỗ trợ từ NSNN (Theo ND 80/ND-CP)		Số kinh phí NSNN hỗ trợ (tối đa)	Nguồn vốn kinh phí thực hiện Đề án giai đoạn 2022-2025				Phân kỳ đầu tư Đề án Hỗ trợ DNNVV đến năm 2025				Ghi chú	
					Tỷ lệ %	Số kinh phí		Tổng cộng	NSDP	NSTW	Khác	Tổng cộng	2022	2023	2024		2025
b	Hỗ trợ hợp đồng tư vấn xây dựng, áp dụng quản lý chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	DN	20	100%	50	1.000	1.000		1.000		1.000		200	400	400	
4.2	Chi phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường	Sở Khoa học và Công nghệ	DN	50	50%	10	500	500		500		500	80	120	150	150	
4.3	Chi phí cấp chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật	Sở Khoa học và Công nghệ	DN	50	100%	20	1.000	1.000		1.000		1.000	150	250	300	300	
5	Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng.	Sở Khoa học và Công nghệ					1.950	1.950		1.950		1.950	150	550	600	650	
5.1	Hỗ trợ chi phí thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa; chi phí chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	DN	30	100%	30	900	900		900		900	150	250	250	250	
5.2	Hỗ trợ chi phí đặt hàng các cơ sở, viện, trường để nghiên cứu thử nghiệm phát triển các sản phẩm, dịch vụ	Sở Khoa học và Công nghệ	DN	15	50%	30	450	450		450		450		100	150	200	
5.3	Hỗ trợ chi phí sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật hỗ trợ DNNVV	Sở Khoa học và Công nghệ	DN	12	50%	50	600	600		600		600		200	200	200	
VI	Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho các DNNVV						20.400	20.400	10.400	10.000	-	20.400	2.700	5.800	5.900	6.000	
6.1	Hỗ trợ đào tạo trực tiếp về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp	Trung tâm Xúc tiến đầu tư - Sở KHĐT					2.100	2.100	2.100			2.100	400	500	600	600	
a	Hỗ trợ chi phí của một khóa đào tạo về khởi sự kinh doanh cho các DNNVV	Trung tâm Xúc tiến đầu tư - Sở KHĐT	DN		100%			-				-					
b	Hỗ trợ chi phí của một khóa đào tạo quản trị doanh nghiệp cho các DNNVV	Trung tâm Xúc tiến đầu tư - Sở KHĐT	DN		70%			-				-					
c	Hỗ trợ kinh phí để tổ chức các khóa đào tạo quản trị doanh nghiệp cho các DNNVV do nữ làm chủ, DNNVV sử dụng nhiều lao động nữ và DNNVV là DN xã hội.	Trung tâm Xúc tiến đầu tư - Sở KHĐT	DN		100%			-				-					
6.2	Hỗ trợ đào tạo trực tiếp tại DNNVV trong lĩnh vực sản xuất, chế biến						1.300	1.300	1.300			1.300	300	300	300	400	

STT	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Đvt	Số lượng	Định mức hỗ trợ từ NSNN (Theo ND 80/ND-CP)		Số kinh phí NSNN hỗ trợ (tối đa)	Nguồn vốn kinh phí thực hiện Đề án giai đoạn 2022-2025				Phân kỳ đầu tư Đề án Hỗ trợ DNNVV đến năm 2025				Ghi chú	
					Tỷ lệ %	Số kinh phí		Tổng cộng	NSDP	NSTW	Khác	Tổng cộng	2022	2023	2024		2025
a	Hỗ trợ chi phí của một khóa đào tạo tại DNNVV nhưng không quá 01 khóa/năm/DN	Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Công thương	DN		70%			-				-					
b	Hỗ trợ chi của một khóa đào tạo tại DNNVV do phụ nữ làm chủ, DNNVV sử dụng nhiều lao động nữ và DNNVV là DN xã hội nhưng không quá 01 khóa/năm/DN	Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Công thương	DN		100%			-				-					
6.3	Hỗ trợ đào tạo nghề	Sở Lao động, thương binh và xã hội					17.000	17.000	7.000	10.000		17.000	2.000	5.000	5.000	5.000	
VII	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.						5.860		5.860	-	-	5.860	420	1.770	1.820	1.850	
1	Hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ương tạo, khu làm việc chung	Sở Khoa học và Công nghệ					250	250	250			250	0	50	100	100	
a	Hỗ trợ chi phí sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật, cơ sở ương tạo, khu làm việc chung	Sở Khoa học và Công nghệ	DN	10	100%	20	200	200	200			200		40	80	80	
b	Hỗ trợ chi phí thuê mặt bằng tại các cơ sở ương tạo, khu làm việc chung	Sở Khoa học và Công nghệ	DN	10	50%	5	50	50	50			50		10	20	20	
2	Hỗ trợ tư vấn sở hữu trí tuệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ	Sở Khoa học và Công nghệ					1.500		1.500	-		1.500	120	460	460	460	
a	Hỗ trợ hợp đồng tư vấn về thủ tục xác lập, chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước	Sở Khoa học và Công nghệ	DN	22	100%	30	660		660			660	60	200	200	200	
b	Hỗ trợ hợp đồng tư vấn về xây dựng bản mô tả sáng chế, bản thiết kế kiểu dáng công nghiệp, bản thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu	Sở Khoa học và Công nghệ	DN	8	100%	30	240		240			240	60	60	60	60	
c	Hỗ trợ hợp đồng tư vấn quản lý và phát triển các sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu ở nước ngoài	Sở Khoa học và Công nghệ	DN	6	100%	50	300		300			300		100	100	100	
d	Hỗ trợ hợp đồng tư vấn về thủ tục xác lập, chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở nước ngoài	Sở Khoa học và Công nghệ	DN	6	100%	50	300		300			300		100	100	100	
3	Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm, mô hình kinh doanh mới	Sở Khoa học và Công nghệ					1.260		1.260			1.260		410	410	440	
3.1	Hỗ trợ hợp đồng tư vấn	Sở Khoa học và Công nghệ					360	-	360	-	-	360	-	120	120	120	

STT	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Đvt	Số lượng	Định mức hỗ trợ từ NSNN (Theo ND 80/ND-CP)		Số kinh phí NSNN hỗ trợ (tối đa)	Nguồn vốn kinh phí thực hiện Đề án giai đoạn 2022-2025				Phần kỳ đầu tư Đề án Hỗ trợ DNNVV đến năm 2025				Ghi chú		
					Tỷ lệ %	Số kinh phí		Tổng cộng	NSDP	NSTW	Khác	Tổng cộng	2022	2023	2024		2025	
a	Hỗ trợ hợp đồng tư vấn đề DN xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở	Sở Khoa học và Công nghệ		6	100%	10	60		60				60		20	20	20	
b	Hỗ trợ hợp đồng tư vấn đề DN xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ		6	100%	50	300		300				300		100	100	100	
3.2	Hỗ trợ chi phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn, phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường	Sở Khoa học và Công nghệ		15	50%	10	150		150				150		50	50	50	
3.3	Hỗ trợ chi phí thử nghiệm sản phẩm mới tại các đơn vị, tổ chức thử nghiệm sản phẩm hàng hóa	Sở Khoa học và Công nghệ		10	50%	30	300		300				300		90	90	120	
3.4	Hỗ trợ hợp đồng tư vấn hoàn thiện sản phẩm mới, dịch vụ mới, mô hình kinh doanh mới, công nghệ mới	Sở Khoa học và Công nghệ		9	50%	50	450		450				450		150	150	150	
4	Hỗ trợ giá trị hợp đồng tư vấn tìm kiếm, lựa chọn, giải mã và chuyển giao công nghệ phù hợp với DN	Sở Khoa học và Công nghệ		6	50%	100	600		600				600		200	200	200	
5	Hỗ trợ đào tạo, huấn luyện chuyên sâu	Sở Khoa học và Công nghệ					-		-				-					
5.1	Hỗ trợ chi phí tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu trong nước cho học viên của doanh nghiệp về xây dựng, phát triển sản phẩm; thương mại hóa sản phẩm; phát triển TMDT; gọi vốn đầu tư; phát triển thị trường; kết nối mạng lưới khởi nghiệp với các tổ chức cá nhân nghiên cứu khoa học	Sở Khoa học và Công nghệ			50%	5	-		-				-					
5.2	Hỗ trợ chi phí tham gia các khóa đào tạo, huấn luyện chuyên sâu ngắn hạn ở nước ngoài	Sở Khoa học và Công nghệ			50%	50	-		-				-					
6	Hỗ trợ xúc tiến thương mại, kết nối mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo	Sở Công thương					2.250	2.250	2.250	-			2.250	300	650	650	650	
6.1	Hỗ trợ hợp đồng tư vấn đăng ký thành công tài khoản bán sản phẩm, dịch vụ trên các sàn TMDT quốc tế	Sở Công thương		7	50%	100	700	700	700				700	100	200	200	200	
6.2	Hỗ trợ chi phí duy trì tài khoản trên các sàn TMDT trong nước và quốc tế	Sở Công thương		28	50%	50	1.400	1.400	1.400				1.400	200	400	400	400	

STT	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Đvt	Số lượng	Định mức hỗ trợ từ NSNN (Theo ND 80/NĐ-CP)		Số kinh phí NSNN hỗ trợ (tối đa)	Nguồn vốn kinh phí thực hiện Đề án giai đoạn 2022-2025				Phân kỳ đầu tư Đề án Hỗ trợ DNNVV đến năm 2025				Ghi chú	
					Tỷ lệ %	Số kinh phí		Tổng cộng	NSDP	NSTW	Khác	Tổng cộng					
													2022	2023	2024		2025
6.3	Hỗ trợ chi phí thuê địa điểm, thiết kế và dàn dựng gian hàng, vận chuyển sản phẩm trưng bày, chi phí đi lại, chi phí ăn, ở cho đại diện của DN tham gia tại Hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại	Sở Công thương	DN				150	150	150			150		50	50	50	
a	Hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại trong nước	Sở Công thương				30	-	-				-					
b	Hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại nước ngoài	Sở Công thương				50	-	-				-					
6.4	Hỗ trợ chi phí tham gia các cuộc thi quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo	Sở Khoa học và Công nghệ	DN		50%	30	-	-				-					
VIII	Hỗ trợ DNNVV chuyển đổi từ Hộ kinh doanh						3.600	3.600	3.600	-	-	3.600		1.200	1.200	1.200	
	Các ngành, UBND các huyện đề xuất	UBND huyện, TP					3.600	3.600	3.600			3.600		1.200	1.200	1.200	
	Tổng cộng:							90.500	50.000	34.500	6.000	90.500	12.140	24.740	26.720	26.900	